

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2021

THỎA THUẬN KHUNG

Số: 02/2021/TTK-ĐPG

Gói thầu số 01: Cung cấp thuốc Biệt dược gốc Cerebrolysin hoặc tương đương điều trị thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá cho các cơ sở y tế trên toàn quốc năm 2021-2022

Căn cứ Luật Đấu thầu năm 2013;

Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành.

Căn cứ Thông tư 15/2020/TT-BYT ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Quyết định số 4572/QĐ-BYT ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc thuộc danh mục đàm phán giá năm 2020 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 76/QĐ-TTMS ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu cung cấp thuốc theo hình thức Đàm phán giá năm 2020 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 83/QĐ-TTMS ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt Danh sách nhà thầu và các thuốc đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật gói thầu số 01 “Cung cấp thuốc Biệt dược gốc Cerebrolysin hoặc tương đương điều trị thuộc danh mục Đàm phán giá cho các cơ sở y tế trên toàn quốc năm 2021 - 2022”, gói thầu số 02 “Cung cấp thuốc Biệt dược gốc Tienam (Imipenem+Cilastatin 500mg + 500mg) hoặc tương đương

*Thư
TĐMC*

điều trị thuộc danh mục Đàm phán giá cho các cơ sở y tế trên toàn quốc năm 2021 - 2022", gói thầu số 03 "Cung cấp thuốc Biệt dược gốc Mabthera (Rituximab 500mg) hoặc tương đương điều trị thuộc danh mục áp dụng hình thức Đàm phán giá cho các cơ sở y tế trên toàn quốc năm 2021 - 2022", gói thầu số 04 "Cung cấp thuốc Biệt dược gốc Nexavar (Sorafenib tosylate 200mg) hoặc tương đương điều trị thuộc danh mục Đàm phán giá cho các cơ sở y tế trên toàn quốc năm 2021 - 2022" của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2797/QĐ-BYT ngày 06 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt điều chỉnh tên hoạt chất của thuốc Nexavar tại Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc biệt dược gốc thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2020 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Thư chấp thuận Hồ sơ đề xuất và trao thỏa thuận khung số 339/TTMS-NVD ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Hôm nay, ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia, Chúng tôi gồm:

I. Cơ quan ký thỏa thuận khung:

- Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (sau đây viết tắt là Trung tâm MSTTQG)

- Đại diện: Ông Nguyễn Trí Dũng
- Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
- Điện thoại: 024 6273 2383

II. Nhà thầu cung cấp thuốc:

- Công ty cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội
- Đại diện: Ông Đinh Văn Đông
- Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Địa chỉ: Số 2 Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
- Điện thoại: 024 71065222

Hai bên thống nhất ký kết Thỏa thuận khung cho việc cung cấp thuốc cho các cơ sở y tế trên toàn quốc theo kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 01: Cung cấp thuốc Biệt dược gốc Cerebrolysin hoặc tương đương điều trị thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá cho các cơ sở y tế trên toàn quốc năm 2021 - 2022 như sau:

1. Phạm vi cung cấp

- Phạm vi cung cấp là các mặt hàng thuốc trúng thầu Gói thầu số 01: Cung cấp thuốc Biệt dược gốc Cerebrolysin hoặc tương đương điều trị thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá cho các cơ sở y tế trên toàn quốc năm 2021 - 2022 theo Quyết định số 2797/QĐ-BYT ngày 06 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt điều chỉnh tên hoạt chất của thuốc Nexavar tại Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc biệt dược gốc thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2020 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia theo số lượng của từng mặt hàng phân bổ cho các cơ sở y tế trên toàn quốc (*Chi tiết tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2*).

- Trên cơ sở Thỏa thuận khung này, Nhà thầu và các cơ sở y tế trên toàn quốc sẽ ký hợp đồng để cung ứng thuốc cho từng cơ sở y tế.

2. Thời gian, địa điểm giao hàng:

- Nhà thầu giao hàng làm nhiều đợt trong thời gian kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực đến hết ngày 31/5/2023 và được quy định trong hợp đồng. Các cơ sở y tế (bên mua) dự trữ số lượng thuốc tùy theo nhu cầu thực tế của từng đơn vị; nhà thầu phải đáp ứng cung cấp đủ số lượng, đạt chất lượng hàng hóa theo thời gian thỏa thuận với các cơ sở y tế được quy định trong hợp đồng. Bên mua có thể dự trữ hàng đợt xuất khi cần thiết phục vụ kịp thời cho công tác khám chữa bệnh.

- Địa điểm giao hàng: Hàng hoá được giao tại kho của bên mua theo danh mục các cơ sở y tế đính kèm tại Phụ lục 2 thuộc Gói thầu số 01: Cung cấp thuốc Biệt dược gốc Cerebrolysin hoặc tương đương điều trị thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá cho các cơ sở y tế trên toàn quốc năm 2021 - 2022.

3. Điều kiện bàn giao hàng hóa, thanh toán, thanh lý hợp đồng

3.1. Điều kiện bàn giao hàng hóa

- Thuốc cung cấp phải bảo đảm về tiêu chuẩn kỹ thuật được nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà thầu và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký với Bộ Y tế. Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho các cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu còn 06 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm.

- Thuốc phải được đóng gói, dán nhãn đúng quy cách được nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà thầu. Nhà thầu sẽ phải đóng gói thuốc đúng yêu cầu quy định và phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển thuốc từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích

thuốc và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.

- Có phiếu kiểm nghiệm cho từng lô thuốc theo quy định, có giấy báo lô và hạn dùng của thuốc (có thể in trên hóa đơn bán hàng) khi giao hàng.

- Về vận chuyển: Nhà thầu phải trực tiếp vận chuyển hàng hoá đến kho của các cơ sở y tế, Nhà thầu phải chịu mọi chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng, phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật trong quá trình vận chuyển như: bảo quản lạnh, chống nắng, nóng ẩm mốc v.v., phương tiện vận chuyển, quy trình vận chuyển phải phù hợp với nguyên tắc “Thực hành tốt phân phối thuốc - GDP” mà nhà thầu đã đạt được. Khi giao nhận thuốc tại cơ sở y tế phải thực hiện kiểm nhập tất cả các thuốc trước khi nhập kho và lập biên bản kiểm nhập có đầy đủ nội dung kiểm nhập và chữ ký của các thành viên Hội đồng kiểm nhập theo đúng quy định.

3.2. Điều kiện thanh toán

- Phương thức thanh toán: Các cơ sở y tế ký hợp đồng mua bán với nhà thầu thực hiện thanh toán cho nhà thầu bằng chuyển khoản hoặc hình thức phù hợp theo quy định hiện hành.

- Thời hạn thanh toán không quá 90 ngày kể từ khi nhà thầu giao hàng và xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu (phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán được cụ thể trong hợp đồng).

3.3. Thanh lý hợp đồng: Thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Mức giá trần tương ứng với từng loại hàng hóa

- Đơn giá thuốc trong hợp đồng mua sắm hàng hoá được ký kết giữa nhà thầu với các cơ sở y tế không vượt quá giá trúng thầu đã được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt tại Quyết định số 2797/QĐ-BYT ngày 06 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt điều chỉnh tên hoạt chất của thuốc Nexavar tại Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc biệt dược gốc thuộc danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá năm 2020 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia.

- Giá trần này được áp dụng trên toàn quốc kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực đến hết ngày 31/5/2023.

5. Hướng dẫn sử dụng hàng hóa, điều kiện bảo hành

- Hàng hóa cung cấp có nhãn đúng quy định về nhãn thuốc, có tờ hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt Nam.

- Nhà thầu phải thu hồi và đổi hàng hóa trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu.

- Kiểm tra, thử nghiệm hàng hoá thực hiện theo quy định trong Điều kiện chung nêu tại Chương V và Điều kiện cụ thể nêu tại Chương VI của Hồ sơ yêu cầu.

6. Trách nhiệm của nhà thầu trong việc cung cấp hàng hóa

- Ký hợp đồng mua bán thuốc với các cơ sở y tế theo số lượng của từng mặt hàng đã phân bổ cho từng cơ sở y tế trong thời gian sớm nhất kể từ khi nhận được thông báo của Trung tâm MSTTQG. Nhà thầu có trách nhiệm tổng hợp gửi về Đơn vị Mua sắm tập trung cấp địa phương tương ứng 1 bản hợp đồng đã ký với các cơ sở y tế và gửi bản scan về địa chỉ thư điện tử ngniepvuduoc.ttms@moh.gov.vn của Trung tâm MSTTQG.

- Cung ứng đầy đủ thuốc và đúng tiến độ theo đúng chủng loại, số lượng, đơn giá không vượt quá giá trúng thầu thông qua đàm phán giá đã được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt. Đảm bảo duy trì lượng thuốc tồn kho tối thiểu để cung ứng cho các cơ sở y tế trên toàn quốc trung bình 01 tháng.

- Thực hiện đầy đủ các yêu cầu trong điều kiện chung nêu tại Chương V và điều kiện cụ thể nêu tại Chương VI được nêu trong Hồ sơ yêu cầu và nội dung của cam kết tại Hồ sơ đề xuất của nhà thầu.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng đã ký giữa Nhà thầu với các cơ sở y tế.

- Báo cáo cho Trung tâm MSTTQG về khả năng cung ứng và tình hình thực hiện hợp đồng, bàn giao, tiếp nhận thuốc theo định kỳ hàng tháng, hàng quý theo quy trình báo cáo và điều tiết do Trung tâm MSTTQG ban hành và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

- Trong trường hợp các cơ sở y tế thuộc địa phương quản lý có nhu cầu mua thêm không quá 20% số lượng đã được phân bổ và ký kết hợp đồng, nhà thầu có trách nhiệm cung cấp cho cơ sở y tế sau khi 2 bên ký kết các văn bản pháp lý về việc mua bổ sung. Nhà thầu có trách nhiệm gửi hồ sơ, tài liệu này báo cáo Sở Y tế/Đơn vị Mua sắm tập trung cấp địa phương tương ứng và Trung tâm MSTTQG.

- Trường hợp các cơ sở y tế trực thuộc Bộ Y tế có nhu cầu tăng thêm số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung hoặc nhu cầu sử dụng thuốc của địa phương vượt quá 20% số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung thì nhà thầu có trách nhiệm phối hợp với các cơ sở y tế báo cáo Sở Y tế/Đơn vị Mua thuốc tập trung cấp địa phương, Trung tâm MSTTQG để thực hiện việc điều tiết và cung cấp thuốc theo đúng quy định tại Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế và quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc

trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và đàm phán giá do Trung tâm MSTTQG ban hành.

- Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp thuốc trúng thầu với số lượng không vượt quá 30% tổng số lượng được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

7. Trách nhiệm của các cơ sở y tế

- Hoàn thiện và ký hợp đồng cung cấp thuốc với Nhà thầu trong thời gian sớm nhất kể từ khi nhận được thông báo trúng thầu của Trung tâm MSTTQG/Sở Y tế/Đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương/y tế các bộ ngành theo danh mục, số lượng chủng loại với giá không vượt quá giá trúng thầu thông qua đàm phán đã được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực đến hết ngày 31/5/2023.

- Bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất để tiếp nhận, bảo quản, quản lý, sử dụng thuốc trong công tác khám chữa bệnh, thanh lý hợp đồng theo quy định.

- Báo cáo cho Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương tương ứng/y tế các bộ ngành để tổng hợp, báo cáo Trung tâm MSTTQG; riêng đối với các cơ sở y tế cấp Trung ương báo cáo trực tiếp Trung tâm MSTTQG về:

- + Số lượng thuốc đã mua, số lượng thuốc đã sử dụng, số lượng còn lại chưa thực hiện định kỳ hàng quý và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

- + Báo cáo ngay những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng để xem xét giải quyết.

- Các cơ sở y tế bảo đảm sử dụng tối thiểu 80% số lượng thuốc đã đề nghị mua sắm tập trung và đã được phân bổ trong thỏa thuận khung.

- Các cơ sở y tế thực hiện việc thanh toán cho nhà thầu theo đúng quy định được nêu trong điều kiện chung, điều kiện cụ thể của mẫu hợp đồng và tại mục 3.2 Thỏa thuận khung.

- Trong trường hợp cần thiết, các cơ sở y tế do địa phương quản lý hoặc các cơ sở y tế trực thuộc Bộ, ngành trên địa bàn có thể mua tăng thêm nếu sử dụng hết số lượng thuốc đã được phân bổ trong thỏa thuận khung nhưng không được vượt quá 20% số lượng đã được phân bổ. Việc mua tăng thêm số lượng thuốc được thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 13 Điều 40 và Khoản 5 Điều 46 Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế hoặc theo quy trình hướng dẫn của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia.

- Trường hợp các cơ sở y tế trực thuộc Bộ Y tế có nhu cầu phát sinh mới hoặc tăng thêm số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung hoặc nhu cầu sử dụng thuốc của địa phương vượt quá 20% số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung thì phải có đề xuất cụ thể số lượng cần mua thêm báo cáo về Sở Y tế/Đơn vị Mua sắm tập trung cấp địa phương tương ứng và Trung tâm MSTTQG để

tổng hợp, rà soát và thực hiện việc điều tiết thuốc theo đúng quy định tại Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế và quy trình báo cáo thực hiện kết quả đấu thầu và điều tiết số lượng thuốc trúng thầu thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp Quốc gia và đàm phán giá do Trung tâm MSTTQG ban hành.

8. Trách nhiệm của các Sở Y tế/Đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương/y tế các bộ ngành

- Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và thỏa thuận khung đến các cơ sở y tế y tế thuộc phạm vi quản lý theo Phụ lục 2 của Thỏa thuận khung.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho Nhà thầu trong việc thương thảo và ký hợp đồng với các cơ sở y tế.
- Tổng hợp, báo cáo định kỳ hàng quý và đột xuất về Trung tâm MSTTQG về số lượng thuốc đã mua, số lượng thuốc đã sử dụng, số lượng còn lại chưa thực hiện của các cơ sở y tế địa phương và cơ sở y tế Bộ, ngành trên địa bàn.
- Báo cáo ngay những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng tại các cơ sở y tế địa phương/cơ sở y tế thuộc Bộ, ngành trên địa bàn với Trung tâm MSTTQG để giải quyết.
- Phối hợp với Trung tâm MSTTQG trong việc điều tiết việc thực hiện kế hoạch của các cơ sở y tế để bảo đảm sử dụng tối thiểu 80% số lượng thuốc đã đề nghị mua sắm tập trung và đã được phân bổ trong Thỏa thuận khung theo đúng quy định tại Khoản 13, Điều 40 và Khoản 5 Điều 46 Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế.
- Khi cơ sở y tế có nhu cầu sử dụng tăng/giảm trên 20% số lượng được phân bổ và trong phạm vi địa phương, Sở Y tế/Đơn vị Mua sắm tập trung cấp địa phương các tỉnh, thành phố thực hiện chức năng điều tiết trên địa bàn, hướng dẫn các cơ sở y tế và nhà thầu cung cấp thuốc tiến hành ký hợp đồng/phụ lục hợp đồng. Đồng thời có báo cáo gửi về Trung tâm MSTTQG ngay sau khi thực hiện điều tiết trên địa bàn.
- Trường hợp nhu cầu sử dụng thuốc của địa phương, của các cơ sở y tế Bộ, ngành trên địa bàn vượt quá 20% số lượng thuốc được phân bổ trong thỏa thuận khung thì Sở Y tế/Đơn vị Mua sắm tập trung cấp địa phương tổng hợp, báo cáo Trung tâm MSTTQG để thực hiện điều tiết số lượng thuốc giữa các địa phương, các cơ sở y tế của Trung ương trên toàn quốc theo quy trình của Trung tâm MSTTQG đã ban hành.

9. Trách nhiệm của Trung tâm MSTTQG

- Công khai thỏa thuận khung trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế và thông báo bằng văn bản đến các Sở Y tế/đơn vị mua thuốc tập trung cấp địa phương/y tế thuộc Bộ, ngành và cơ sở y tế thuộc Bộ Y tế.

- Cung cấp các thông tin cần thiết để các đơn vị trúng thầu tiến hành ký kết hợp đồng cung cấp thuốc với các cơ sở y tế.

- Phối hợp với nhà thầu và các Sở Y tế/đơn vị mua sắm tập trung cấp địa phương/y tế các bộ ngành để giải quyết kịp thời các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình cung cấp thuốc tại các cơ sở y tế.

- Hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định trong Hồ sơ yêu cầu hoặc trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm thực hiện hợp đồng và ký hợp đồng với các cơ sở y tế.

10. Hiệu lực và thời hạn thực hiện thỏa thuận khung

- Thỏa thuận khung này là cơ sở để các cơ sở y tế ký hợp đồng mua thuốc với nhà thầu cung cấp thuốc.

- Thời gian hiệu lực và thực hiện của Thỏa thuận khung: Kể từ ngày ký đến hết ngày 31/5/2023.

11. Xử phạt do vi phạm

- Việc xử phạt do vi phạm các điều khoản của Thỏa thuận khung/Hợp đồng đã ký kết được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Thỏa thuận khung này được làm thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản./.

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
CÔNG TY CP DP TBYT HÀ NỘI
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đinh Văn Đông

**ĐẠI DIỆN TRUNG TÂM MUA SẮM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Trí Dũng

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẴM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC TỔNG HỢP THUỐC CUNG CẤP CHO CÁC CƠ SỞ Y TẾ

(Kèm theo Thỏa thuận khung số 02/2021/TTK-ĐPG ký ngày 08 /6/2021)

TT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Số đăng ký	Dạng bào chế, Đường dùng	Hạn dùng (tuổi thọ)	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	ĐVT	Đơn giá (có VAT, VND)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
1	B0101	Cerebrolysin	Peptide (Cerebrolysin concentrate)	215,2mg/ml x 1ml	QLSP-845-15	Dung dịch tiêm, dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm truyền;	60 tháng	Hộp 10 ống x 1 ml	Cơ sở trộn và đóng gói: Ever Pharma Jena GmbH, Đức; Cơ sở xuất xưởng: Ever Neuro Pharma GmbH, Áo	Ông	16.275	42.742	695.626.050
2	B0102	Cerebrolysin	Peptide (Cerebrolysin concentrate)	215,2mg/ml x 5ml	QLSP-845-15	Dung dịch tiêm, dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm truyền;	60 tháng	Hộp 5 ống x 5 ml	Cơ sở trộn và đóng gói: Ever Pharma Jena GmbH, Đức; Cơ sở xuất xưởng: Ever Neuro Pharma GmbH, Áo	Ông	52.788	361.868	19.102.287.984
3	B0103	Cerebrolysin	Peptide (Cerebrolysin concentrate)	215,2mg/ml x 10ml	QLSP-845-15	Dung dịch tiêm, dung dịch đậm đặc pha dung dịch tiêm truyền;	60 tháng	Hộp 5 ống x 10ml	Cơ sở trộn và đóng gói: Ever Pharma Jena GmbH, Đức; Cơ sở xuất xưởng: Ever Neuro Pharma GmbH, Áo	Ông	86.954	2.564.239	222.970.838.006
TỔNG CỘNG: 03 khoản (Thành tiền bằng chữ: Hai trăm bốn mươi hai tỉ, bảy trăm sáu mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi hai nghìn, không trăm bốn mươi đồng).													242.768.752.040



Phụ lục
TOMU

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẮM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2: PHẠM VI CUNG CẤP THUỐC CHI TIẾT CHO TỪNG CƠ SỞ Y TẾ

(Kèm theo Thỏa thuận khung số 02/2021/TTK-ĐPG ký ngày 08/6/2021)

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
I		Cerebrolysin 215,2mg/ml x 1ml											
1	B0101	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 1ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	20.000	16.275	325.500.000	01912	Bệnh viện Châm cứu Trung ương	Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc
2	B0101	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 1ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	13.000	16.275	211.575.000	01915	Bệnh viện Nhi Trung ương	Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc
3	B0101	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 1ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	200	16.275	3.255.000	01903	Bệnh viện Phổi Hà Nội	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
4	B0101	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 1ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	496	16.275	8.072.400	01919	Bệnh viện Tim Hà Nội	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
5	B0101	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 1ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	800	16.275	13.020.000	33070	Trung tâm y tế huyện Văn Giang	Hưng Yên	Sở Y Tế Hưng Yên	Bắc
6	B0101	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 1ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	200	16.275	3.255.000	22150	Bệnh viện Sản- Nhi tỉnh Quảng Ninh	Quảng Ninh	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc
7	B0101	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 1ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	4.000	16.275	65.100.000	40005	Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
8	B0101	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 1ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	30	16.275	488.250	40543	Bệnh viện đa khoa Thái An	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
9	B0101	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 1ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	400	16.275	6.510.000	40021	Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
10	B0101	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 1ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.000	16.275	16.275.000	70001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước	Bình Phước	Sở Y Tế Bình Phước	Nam
11	B0101	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 1ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	616	16.275	10.025.400	79075	Bệnh viện Quận 2	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
12	B0101	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 1ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.000	16.275	32.550.000	79010	Bệnh viện Quận 4	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
Tổng cộng: 12 khoản						42.742	16.275	695.626.050					
II		Cerebrolysin 215,2mg/ml x 5ml											
1	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.500	52.788	79.182.000	24009	Bệnh viện đa khoa huyện Việt Yên	Bắc Giang	Sở Y Tế Bắc Giang	Bắc
2	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.000	52.788	158.364.000	24011	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang	Sở Y Tế Bắc Giang	Bắc
3	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	120	52.788	6.334.560	24004	Trung tâm Y tế huyện Sơn Động	Bắc Giang	Sở Y Tế Bắc Giang	Bắc

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
4	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	220	52.788	11.613.360	27174	Bệnh viện Sản nhi tỉnh Bắc Ninh	Bắc Ninh	Sở Y Tế Bắc Ninh	Bắc
5	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	200	52.788	10.557.600	04001	Bệnh viện ĐK thành phố Cao Bằng	Cao Bằng	Sở Y Tế Cao Bằng	Bắc
6	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	800	52.788	42.230.400	02004	Bệnh viện đa khoa khu vực huyện Bắc Quang	Hà Giang	Sở Y Tế Hà Giang	Bắc
7	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	14.000	52.788	739.032.000	01912	Bệnh viện Châm cứu Trung ương	Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc
8	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.200	52.788	116.133.600	01906	Bệnh viện K	Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc
9	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.350	52.788	124.051.800	01071	Bệnh viện Nam Thăng Long	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
10	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	5.600	52.788	295.612.800	01915	Bệnh viện Nhi Trung ương	Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc
11	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.400	52.788	126.691.200	01938	Bệnh viện Tâm thần Trung ương I	Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc
12	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	10.000	52.788	527.880.000	01014	Bệnh viện trung ương Quân đội 108	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
13	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	4.000	52.788	211.152.000	01018	Viện Y học Phòng không Không quân	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
14	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	200	52.788	10.557.600	30301	BV Phục hồi chức năng Hải Dương	Hải Dương	Sở Y Tế Hải Dương	Bắc
15	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	400	52.788	21.115.200	31022	Bệnh viện Giao thông vận tải Hải Phòng	Hải Phòng	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng	Bắc
16	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	40	52.788	2.111.520	31032	Bệnh viện Trẻ em	Hải Phòng	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng	Bắc
17	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	100	52.788	5.278.800	31007	tttyt huyện An Dương	Hải Phòng	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng	Bắc

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
18	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	320	52.788	16.892.160	33033	Bệnh viện đa khoa Phố Nối	Hung Yên	Sở Y Tế Hưng Yên	Bắc
19	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.580	52.788	136.193.040	33011	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên	Hung Yên	Sở Y Tế Hưng Yên	Bắc
20	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	400	52.788	21.115.200	33052	Công ty cổ phần bệnh viện ĐK Hưng Hà	Hung Yên	Sở Y Tế Hưng Yên	Bắc
21	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.000	52.788	105.576.000	33070	Trung tâm y tế huyện Văn Giang	Hung Yên	Sở Y Tế Hưng Yên	Bắc
22	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.000	52.788	52.788.000	20015	Trung tâm y tế huyện Đình Lập	Lạng Sơn	Sở Y Tế Lạng Sơn	Bắc
23	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	104	52.788	5.489.952	10004	Bệnh viện đa khoa huyện Bảo Yên - Lào Cai	Lào Cai	Sở Y Tế tỉnh Lào Cai	Bắc
24	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	240	52.788	12.669.120	37801	Trung tâm y tế huyện Yên Khánh	Ninh Bình	Sở Y Tế Ninh Bình	Bắc
25	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	700	52.788	36.951.600	25002	Bệnh viện đa khoa thị xã Phú Thọ	Phú Thọ	Sở Y Tế Phú Thọ	Bắc
26	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.000	52.788	158.364.000	25001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ	Phú Thọ	Sở Y Tế Phú Thọ	Bắc
27	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.500	52.788	79.182.000	25013	Trung tâm y tế huyện Thanh Ba	Phú Thọ	Sở Y Tế Phú Thọ	Bắc
28	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	860	52.788	45.397.680	22001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh	Quảng Ninh	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc
29	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	400	52.788	21.115.200	22150	Bệnh viện Sản- Nhi tỉnh Quảng Ninh	Quảng Ninh	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc
30	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	600	52.788	31.672.800	22021	Trung tâm Y tế huyện Vân Đồn	Quảng Ninh	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc
31	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.000	52.788	52.788.000	22027	Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái	Quảng Ninh	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc
32	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	520	52.788	27.449.760	22017	Trung tâm Y tế thị xã Quảng Yên	Quảng Ninh	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc
33	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	6.000	52.788	316.728.000	14003	Bệnh viện đa khoa Mộc châu	Sơn La	Sở Y Tế Sơn La	Bắc
34	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	550	52.788	29.033.400	14008	Bệnh viện đa khoa Quỳnh Nhai	Sơn La	Sở Y Tế Sơn La	Bắc
35	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.100	52.788	110.854.800	14013	Bệnh viện Quân y 6	Sơn La	Sở Y Tế Sơn La	Bắc
36	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	720	52.788	38.007.360	34002	Bệnh viện đa khoa thành phố Thái Bình	Thái Bình	Sở Y Tế Thái Bình	Bắc

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
37	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	400	52.788	21.115.200	34014	Bệnh viện Đại học Y Thái Bình	Thái Bình	Bộ Y tế	Bắc
38	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	4.000	52.788	211.152.000	19013	Bệnh viện C Thái Nguyên	Thái Nguyên	Đơn vị MSTTĐP Thái Nguyên	Bắc
39	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	60	52.788	3.167.280	19006	Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nhai	Thái Nguyên	Đơn vị MSTTĐP Thái Nguyên	Bắc
40	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	5.000	52.788	263.940.000	19010	Bệnh viện đa khoa TW Thái Nguyên	Thái Nguyên	Bộ Y tế	Bắc
41	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.100	52.788	110.854.800	19014	Bệnh viện Gang thép	Thái Nguyên	Đơn vị MSTTĐP Thái Nguyên	Bắc
42	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	220	52.788	11.613.360	08104	BỆNH VIỆN CÔNG AN TỈNH TUYÊN QUANG	Tuyên Quang	Sở Y Tế Tuyên Quang	Bắc
43	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	200	52.788	10.557.600	08101	Bệnh viện đa khoa Tuyên Quang	Tuyên Quang	Sở Y Tế Tuyên Quang	Bắc
44	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	14.000	52.788	739.032.000	26009	Bệnh viện quân y 109	Vĩnh Phúc	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Bắc
45	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	400	52.788	21.115.200	26016	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Bắc
46	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.400	52.788	126.691.200	26006	Trung tâm y tế huyện Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Bắc
47	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	140	52.788	7.390.320	52012	Trung tâm y tế huyện An Lão	Bình Định	Sở Y Tế Bình Định	Trung
48	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	500	52.788	26.394.000	52014	Trung tâm y tế huyện Hoài Nhơn	Bình Định	Sở Y Tế Bình Định	Trung
49	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.200	52.788	63.345.600	52009	Trung tâm y tế huyện Phù Cát	Bình Định	Sở Y Tế Bình Định	Trung
50	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	240	52.788	12.669.120	60012	Bệnh viện đa khoa huyện Hàm Thuận Nam	Bình Thuận	Sở Y Tế Bình Thuận	Trung
51	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	7.700	52.788	406.467.600	60002	Bệnh viện đa khoa khu vực La Gi	Bình Thuận	Sở Y Tế Bình Thuận	Trung
52	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.200	52.788	168.921.600	60015	Bệnh viện đa khoa khu vực Nam Bình Thuận	Bình Thuận	Sở Y Tế Bình Thuận	Trung

Phục

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
53	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.000	52.788	105.576.000	60001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Thuận	Bình Thuận	Sở Y Tế Bình Thuận	Trung
54	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	500	52.788	26.394.000	60004	Bệnh viện huyện Tuy Phong	Bình Thuận	Sở Y Tế Bình Thuận	Trung
55	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	380	52.788	20.059.440	60019	Trung tâm y tế huyện Hàm Tân	Bình Thuận	Sở Y Tế Bình Thuận	Trung
56	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	400	52.788	21.115.200	48065	Bệnh viện 199 - Bộ Công An	Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
57	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.223	52.788	64.559.724	48120	Bệnh viện Chính hình và PHCN ĐN	Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
58	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	7.000	52.788	369.516.000	48001	Bệnh viện Đà Nẵng	Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
59	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	900	52.788	47.509.200	48124	Bệnh viện Phụ Sản - Nhi thành phố Đà Nẵng	Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
60	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.200	52.788	168.921.600	48017	Bệnh viện Y học Cổ truyền	Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
61	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	560	52.788	29.561.280	48005	Trung tâm y tế quận Sơn Trà	Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
62	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.000	52.788	52.788.000	48004	Trung tâm y tế quận Thanh Khê	Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
63	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	400	52.788	21.115.200	66005	Bệnh viện đa khoa huyện Ea Kar	Đắk Lắk	Sở Y Tế Đắk Lắk	Trung
64	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.200	52.788	116.133.600	66006	Trung Tâm Y Tế Huyện M'Đrăk	Đắk Lắk	Sở Y Tế Đắk Lắk	Trung
65	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.780	52.788	93.962.640	66015	Trung tâm y tế huyện Cư M'gar	Đắk Lắk	Sở Y Tế Đắk Lắk	Trung
66	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	178	52.788	9.396.264	66016	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN EA SÚP	Đắk Lắk	Sở Y Tế Đắk Lắk	Trung
67	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	500	52.788	26.394.000	67012	Bệnh viện đa khoa H.Đắk Mil	Đắk Nông	Sở Y Tế Đắk Nông	Trung
68	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	40	52.788	2.111.520	67050	trung tâm y tế H.Đắk Song	Đắk Nông	Sở Y Tế Đắk Nông	Trung
69	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	40	52.788	2.111.520	67001	Trung tâm Y tế Huyện Đắk GLong	Đắk Nông	Sở Y Tế Đắk Nông	Trung
70	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.500	52.788	79.182.000	64249	Bệnh viện đa khoa khu vực thị xã Ayun Pa	Gia Lai	Sở Y Tế Gia Lai	Trung
71	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	14.800	52.788	781.262.400	64001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai	Gia Lai	Sở Y Tế Gia Lai	Trung

Handwritten signature

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
72	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	700	52.788	36.951.600	64017	Bệnh viện đại học Y dược Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai	Sở Y Tế Gia Lai	Trung
73	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	160	52.788	8.446.080	64033	Trung tâm y tế huyện IaPa	Gia Lai	Sở Y Tế Gia Lai	Trung
74	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	400	52.788	21.115.200	64010	Trung tâm y tế huyện Kbang	Gia Lai	Sở Y Tế Gia Lai	Trung
75	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.800	52.788	95.018.400	64020	Viện Quân Y 211	Gia Lai	Sở Y Tế Gia Lai	Trung
76	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	400	52.788	21.115.200	42001	Bệnh viện đa khoa Thành phố Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Sở Y Tế Hà Tĩnh	Trung
77	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	6.800	52.788	358.958.400	42002	Bệnh viện đa khoa Thị xã Hồng Lĩnh	Hà Tĩnh	Sở Y Tế Hà Tĩnh	Trung
78	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	5.600	52.788	295.612.800	42020	Bệnh viện Phục hồi chức năng Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Sở Y Tế Hà Tĩnh	Trung
79	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.600	52.788	84.460.800	42003	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HUƠNG SƠN	Hà Tĩnh	Sở Y Tế Hà Tĩnh	Trung
80	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	180	52.788	9.501.840	56176	Bệnh viện Đa khoa KV Cam Ranh	Khánh Hòa	Sở Y Tế Khánh Hòa	Trung
81	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.080	52.788	162.587.040	62127	Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi	Kon Tum	Sở Y Tế Kon Tum	Trung
82	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	7.000	52.788	369.516.000	62001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum	Kon Tum	Sở Y Tế Kon Tum	Trung
83	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.500	52.788	131.970.000	68580	Trung tâm y tế huyện Di Linh	Lâm Đồng	Sở Y Tế Lâm Đồng	Trung
84	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	6.400	52.788	337.843.200	40005	Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
85	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	5.200	52.788	274.497.600	40009	Bệnh viện đa khoa huyện Nghi Lộc	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
86	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	600	52.788	31.672.800	40008	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Lưu	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
87	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	5.000	52.788	263.940.000	40006	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
88	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	750	52.788	39.591.000	40574	Bệnh viện Quốc tế Vinh	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
89	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.000	52.788	52.788.000	40021	Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
90	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.600	52.788	84.460.800	40002	Trung tâm y tế huyện Hưng Nguyên	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung

Phụ

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
91	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	800	52.788	42.230.400	40015	Trung tâm y tế huyện Kỳ Sơn	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
92	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.500	52.788	79.182.000	40567	Trung tâm y tế huyện Nghĩa Đàn	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
93	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.040	52.788	54.899.520	40014	Trung tâm y tế huyện Tương Dương	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
94	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	500	52.788	26.394.000	44005	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba Đồng Hới	Quảng Bình	Bộ Y tế	Trung
95	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	80	52.788	4.223.040	49013	Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam	Quảng Nam	Bộ Y tế	Trung
96	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	5.379	52.788	283.946.652	51004	Bệnh viện đa khoa huyện Sơn Tịnh	Quảng Ngãi	Sở Y Tế Quảng Ngãi	Trung
97	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	4.300	52.788	226.988.400	51010	Bệnh viện đa khoa khu vực Đặng Thuỳ Trâm	Quảng Ngãi	Sở Y Tế Quảng Ngãi	Trung
98	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	18.470	52.788	974.994.360	51001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Sở Y Tế Quảng Ngãi	Trung
99	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.200	52.788	63.345.600	51221	Bệnh viện đa khoa tư nhân Phúc Hưng	Quảng Ngãi	Sở Y Tế Quảng Ngãi	Trung
100	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	520	52.788	27.449.760	51002	Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn	Quảng Ngãi	Sở Y Tế Quảng Ngãi	Trung
101	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	120	52.788	6.334.560	51007	Trung tâm y tế huyện Minh Long	Quảng Ngãi	Sở Y Tế Quảng Ngãi	Trung
102	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.046	52.788	108.004.248	51009	Trung tâm Y tế huyện Mộ Đức	Quảng Ngãi	Sở Y Tế Quảng Ngãi	Trung
103	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	800	52.788	42.230.400	51008	Trung tâm Y tế huyện Nghĩa Hành	Quảng Ngãi	Sở Y Tế Quảng Ngãi	Trung
104	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	200	52.788	10.557.600	51005	Trung tâm y tế huyện Sơn Hà	Quảng Ngãi	Sở Y Tế Quảng Ngãi	Trung
105	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	200	52.788	10.557.600	51003	Trung tâm y tế huyện Trà Bồng	Quảng Ngãi	Sở Y Tế Quảng Ngãi	Trung
106	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	400	52.788	21.115.200	51006	Trung tâm Y tế huyện Tư Nghĩa	Quảng Ngãi	Sở Y Tế Quảng Ngãi	Trung
107	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	600	52.788	31.672.800	45004	Trung tâm y tế huyện Gio Linh	Quảng Trị	Sở Y Tế Quảng Trị	Trung
108	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.030	52.788	54.371.640	38270	Bệnh viện đa khoa huyện Mường Lát	Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
109	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	800	52.788	42.230.400	38250	Bệnh viện đa khoa huyện Như Thanh	Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung

Phụ lục

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
110	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.471	52.788	183.227.148	38160	Bệnh viện đa khoa huyện Nông Cống	Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
111	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.200	52.788	116.133.600	38240	Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hoá	Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
112	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	46.509	52.788	2.455.117.092	38280	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Thanh Hoá	Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
113	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	4.400	52.788	232.267.200	38287	Bệnh viện nhi Thanh Hoá	Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
114	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	280	52.788	14.780.640	38040	BV đa khoa huyện Quan Hoá	Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
115	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.200	52.788	63.345.600	46190	Bệnh viện đa khoa Hoàng Viêt Thắng	Thừa Thiên Huế	Sở Y Tế Thừa Thiên Huế	Trung
116	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	400	52.788	21.115.200	46005	Viện Quân y 268	Thừa Thiên Huế	Sở Y Tế Thừa Thiên Huế	Trung
117	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	400	52.788	21.115.200	89004	Bệnh viện đa khoa khu vực Tân Châu	An Giang	Sở Y Tế An Giang	Nam
118	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.000	52.788	158.364.000	77003	Bệnh viện Bà Rịa	Bà Rịa Vũng Tàu	Sở Y Tế Bà Rịa Vũng Tàu	Nam
119	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	260	52.788	13.724.880	77036	TTYT Vietsovpetro	Bà Rịa Vũng Tàu	Sở Y Tế Bà Rịa Vũng Tàu	Nam
120	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	4.800	52.788	253.382.400	95002	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bạc Liêu	BẠC LIÊU	SỞ Y TẾ BẠC LIÊU	Nam
121	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	100	52.788	5.278.800	95077	Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Bạc Liêu	BẠC LIÊU	SỞ Y TẾ BẠC LIÊU	Nam
122	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	4.400	52.788	232.267.200	95006	Trung tâm Y tế huyện Phước Long	BẠC LIÊU	SỞ Y TẾ BẠC LIÊU	Nam
123	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.756	52.788	92.695.728	83200	Trung tâm Y tế huyện Bình Đại	Bến Tre	Sở Y Tế Bến Tre	Nam
124	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	460	52.788	24.282.480	83700	Trung tâm Y tế huyện Thạnh Phú	Bến Tre	Sở Y Tế Bến Tre	Nam
125	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	10.000	52.788	527.880.000	70001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước	Bình Phước	Sở Y Tế Bình Phước	Nam
126	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	10.000	52.788	527.880.000	96001	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	Cà Mau	Sở Y Tế Cà Mau	Nam
127	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	520	52.788	27.449.760	96014	Bệnh viện đa khoa KV Trần Văn Thời	Cà Mau	Sở Y Tế Cà Mau	Nam

gheuk

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
128	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.000	52.788	52.788.000	92004	BV đa khoa Thành phố Cần Thơ	Cần Thơ	Sở Y Tế thành phố Cần Thơ	Nam
129	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	8.800	52.788	464.534.400	75009	Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh	Đồng Nai	Sở Y Tế Đồng Nai	Nam
130	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.000	52.788	158.364.000	75001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Nai	Đồng Nai	Sở Y Tế Đồng Nai	Nam
131	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	200	52.788	10.557.600	75015	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Cửu - Cơ sở 1	Đồng Nai	Sở Y Tế Đồng Nai	Nam
132	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.400	52.788	126.691.200	75013	Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc	Đồng Nai	Sở Y Tế Đồng Nai	Nam
133	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	120	52.788	6.334.560	94019	Bệnh viện Đa khoa Hoàng Tuấn	Sóc Trăng	Sở Y Tế Sóc Trăng	Nam
134	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	100	52.788	5.278.800	72003	Trung tâm y tế Gò Dầu	Tây Ninh	Sở Y Tế Tây Ninh	Nam
135	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.200	52.788	168.921.600	79040	Bệnh viện đa khoa khu vực Củ Chi	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
136	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.100	52.788	58.066.800	79431	Bệnh viện đại học Y dược TP HCM	TP. HCM	Bộ Y tế	Nam
137	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.000	52.788	105.576.000	79408	Bệnh viện Nhi Đồng II	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
138	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.000	52.788	105.576.000	79010	Bệnh viện Quận 4	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
139	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	400	52.788	21.115.200	79032	Bệnh viện Quận Phú Nhuận	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
140	B0102	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 5ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	552	52.788	29.138.976	79037	Bệnh viện Quận Thủ Đức	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
Tổng cộng: 140 khoản						361.868	52.788	19.102.287.984					
III	Cerebrolysin 215,2mg/ml x 10ml												
1	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	510	86.954	44.346.540	24009	Bệnh viện đa khoa huyện Việt Yên	Bắc Giang	Sở Y Tế Bắc Giang	Bắc
2	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	4.800	86.954	417.379.200	24011	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang	Sở Y Tế Bắc Giang	Bắc
3	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	700	86.954	60.867.800	24021	Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang	Sở Y Tế Bắc Giang	Bắc
4	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	565	86.954	49.129.010	24004	Trung tâm Y tế huyện Sơn Động	Bắc Giang	Sở Y Tế Bắc Giang	Bắc
5	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	7.000	86.954	608.678.000	06001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn	Bắc Kạn	Sở Y Tế Bắc Kạn	Bắc

gheuk

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
6	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.800	86.954	156.517.200	06005	Trung tâm y tế huyện Ba Bể	Bắc Kạn	Sở Y Tế Bắc Kạn	Bắc
7	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	480	86.954	41.737.920	06003	Trung tâm y tế huyện Bạch Thông	Bắc Kạn	Sở Y Tế Bắc Kạn	Bắc
8	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.600	86.954	226.080.400	06004	Trung tâm y tế huyện Chợ Đồn	Bắc Kạn	Sở Y Tế Bắc Kạn	Bắc
9	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.500	86.954	217.385.000	06007	Trung tâm y tế huyện Chợ Mới	Bắc Kạn	Sở Y Tế Bắc Kạn	Bắc
10	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.600	86.954	139.126.400	06006	Trung tâm y tế huyện Na Rì	Bắc Kạn	Sở Y Tế Bắc Kạn	Bắc
11	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	570	86.954	49.563.780	06002	Trung tâm y tế huyện Ngân Sơn	Bắc Kạn	Sở Y Tế Bắc Kạn	Bắc
12	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.000	86.954	260.862.000	06031	Trung tâm y tế huyện Pác Nặm	Bắc Kạn	Sở Y Tế Bắc Kạn	Bắc
13	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	19.400	86.954	1.686.907.600	27009	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh	Bắc Ninh	Sở Y Tế Bắc Ninh	Bắc
14	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	10.000	86.954	869.540.000	24014	Bệnh viện Quân y 110	Bắc Ninh	Sở Y Tế Bắc Ninh	Bắc
15	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	150	86.954	13.043.100	27174	Bệnh viện Sản nhi tỉnh Bắc Ninh	Bắc Ninh	Sở Y Tế Bắc Ninh	Bắc
16	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.000	86.954	173.908.000	27159	Trung tâm y tế huyện Quế Võ	Bắc Ninh	Sở Y Tế Bắc Ninh	Bắc
17	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.320	86.954	114.779.280	27157	Trung tâm y tế huyện Tiên Du	Bắc Ninh	Sở Y Tế Bắc Ninh	Bắc
18	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.850	86.954	160.864.900	27152	Trung tâm y tế huyện Yên Phong	Bắc Ninh	Sở Y Tế Bắc Ninh	Bắc
19	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	10.800	86.954	939.103.200	27004	Trung tâm y tế Thị xã Từ Sơn	Bắc Ninh	Sở Y Tế Bắc Ninh	Bắc
20	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	200	86.954	17.390.800	04001	Bệnh viện ĐK thành phố Cao Bằng	Cao Bằng	Sở Y Tế Cao Bằng	Bắc
21	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	176	86.954	15.303.904	04016	Bệnh viện Tĩnh Túc	Cao Bằng	Sở Y Tế Cao Bằng	Bắc
22	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	300	86.954	26.086.200	04015	Bệnh viện y học cổ truyền	Cao Bằng	Sở Y Tế Cao Bằng	Bắc
23	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	200	86.954	17.390.800	04002	Trung tâm Y tế huyện Bảo Lạc	Cao Bằng	Sở Y Tế Cao Bằng	Bắc
24	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	120	86.954	10.434.480	04012	Trung tâm Y tế huyện Bảo Lâm	Cao Bằng	Sở Y Tế Cao Bằng	Bắc
25	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.380	86.954	293.904.520	04008	Trung tâm y tế huyện Hòa An	Cao Bằng	Sở Y Tế Cao Bằng	Bắc

Handwritten signature

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
26	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	200	86.954	17.390.800	04007	Trung tâm y tế huyện Nguyên Bình	Cao Bằng	Sở Y Tế Cao Bằng	Bắc
27	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.400	86.954	121.735.600	04009	Trung tâm Y tế Quảng Uyên	Cao Bằng	Sở Y Tế Cao Bằng	Bắc
28	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	400	86.954	34.781.600	04003	Trung Tâm Y tế Thông Nông	Cao Bằng	Sở Y Tế Cao Bằng	Bắc
29	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.000	86.954	173.908.000	11001	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Điện Biên	Điện Biên	Sở Y Tế Điện Biên	Bắc
30	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	480	86.954	41.737.920	11051	Bệnh viện Y học cổ truyền	Điện Biên	Sở Y Tế Điện Biên	Bắc
31	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.000	86.954	173.908.000	11082	Trung tâm y tế huyện Mường Ảng	Điện Biên	Sở Y Tế Điện Biên	Bắc
32	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	100	86.954	8.695.400	11002	Trung tâm y tế thành phố Điện Biên	Điện Biên	Sở Y Tế Điện Biên	Bắc
33	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	200	86.954	17.390.800	02011	Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn	Hà Giang	Sở Y Tế Hà Giang	Bắc
34	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	160	86.954	13.912.640	02005	Bệnh viện đa khoa huyện Vị Xuyên	Hà Giang	Sở Y Tế Hà Giang	Bắc
35	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	800	86.954	69.563.200	02004	Bệnh viện đa khoa khu vực huyện Bắc Quang	Hà Giang	Sở Y Tế Hà Giang	Bắc
36	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	200	86.954	17.390.800	02006	Bệnh viện đa khoa KV huyện Hoàng Su Phì	Hà Giang	Sở Y Tế Hà Giang	Bắc
37	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.400	86.954	208.689.600	35001	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hà Nam	Hà Nam	Sở Y Tế Hà Nam	Bắc
38	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	8.580	86.954	746.065.320	01043	Bệnh viện 198 (Bộ Công An)	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
39	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.000	86.954	260.862.000	01077	Bệnh viện Bắc Thăng Long	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
40	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	36.000	86.954	3.130.344.000	01929	Bệnh viện Bạch Mai	Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc
41	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	5.328	86.954	463.290.912	01009	Bệnh viện Bưu điện (Bộ Bưu Chính v.thông)	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
42	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	14.000	86.954	1.217.356.000	01912	Bệnh viện Châm cứu Trung ương	Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc
43	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	4.800	86.954	417.379.200	01004	Bệnh viện đa khoa Đống Đa	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
44	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	18.000	86.954	1.565.172.000	01816	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc

Thư

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
45	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	8.000	86.954	695.632.000	01056	Bệnh viện đa khoa Hoà Nhai	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
46	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	5.000	86.954	434.770.000	01822	Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
47	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.000	86.954	260.862.000	01823	Bệnh viện đa khoa huyện Chương Mỹ	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
48	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	11.500	86.954	999.971.000	01820	Bệnh viện đa khoa huyện Đan Phượng	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
49	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.800	86.954	156.517.200	01824	Bệnh viện đa khoa huyện Hoài Đức	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
50	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.000	86.954	86.954.000	01825	Bệnh viện đa khoa huyện Mỹ Đức	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
51	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.400	86.954	208.689.600	01826	Bệnh viện đa khoa huyện Phúc Thọ	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
52	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.500	86.954	130.431.000	01829	Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Oai	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
53	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	5.200	86.954	452.160.800	01013	Bệnh viện Đa khoa Nông nghiệp	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
54	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	11.400	86.954	991.275.600	01161	Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
55	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	5.100	86.954	443.465.400	01831	Bệnh viện đa khoa Sơn Tây	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
56	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.500	86.954	304.339.000	01817	Bệnh viện đa khoa Văn Đình	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
57	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	24.000	86.954	2.086.896.000	01003	Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
58	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	22.000	86.954	1.912.988.000	01934	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc
59	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.600	86.954	313.034.400	01065	Bệnh viện Dệt May	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
60	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	15.000	86.954	1.304.310.000	01007	Bệnh viện E	Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc
61	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	24.000	86.954	2.086.896.000	01001	Bệnh viện Hữu Nghị	Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc
62	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	20.000	86.954	1.739.080.000	01901	Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức	Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc
63	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	108.000	86.954	9.391.032.000	01925	Bệnh viện Lão khoa TW	Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc
64	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.950	86.954	256.514.300	01071	Bệnh viện Nam Thăng Long	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc

Phụ lục

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
65	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	4.000	86.954	347.816.000	01914	Bệnh viện Nội tiết Trung Ương	Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc
66	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.800	86.954	243.471.200	01910	Bệnh viện Phổi Trung ương	Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc
67	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.000	86.954	86.954.000	01930	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
68	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	88.000	86.954	7.651.952.000	01016	Bệnh viện Quân Y 103	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
69	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	20.000	86.954	1.739.080.000	01819	Bệnh viện Quân Y 105	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
70	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	30.000	86.954	2.608.620.000	01015	Bệnh viện Quân Y 354	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
71	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	24.000	86.954	2.086.896.000	01006	Bệnh viện Thanh Nhàn	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
72	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	800	86.954	69.563.200	01097	Bệnh viện Thể Thao Việt Nam	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
73	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	12.000	86.954	1.043.448.000	01919	Bệnh viện Tim Hà Nội	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
74	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	150.000	86.954	13.043.100.000	01014	Bệnh viện trung ương Quân đội 108	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
75	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.000	86.954	173.908.000	01060	Bệnh viện Tuệ Tĩnh - Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam	Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc
76	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	100	86.954	8.695.400	01005	Bệnh viện Việt Nam - Cu Ba	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
77	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	15.000	86.954	1.304.310.000	01055	Bệnh viện Xây dựng	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
78	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	6.100	86.954	530.419.400	01062	Bệnh viện Y học cổ truyền - Bộ Công an	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
79	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	33.260	86.954	2.892.090.040	01047	Bệnh viện Y học Cổ truyền Trung ương	Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc
80	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	6.500	86.954	565.201.000	01935	Bệnh viện YHCT Hà Đông	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
81	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	10.000	86.954	869.540.000	01010	Công ty cổ phần Bệnh viện GTVT	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
82	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.400	86.954	121.735.600	01111	Trung tâm tim mạch - Bệnh viện E	Hà Nội	Bộ Y tế	Bắc
83	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	4.704	86.954	409.031.616	01019	Viện Y học Cổ truyền Quân đội	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc

Phục

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
84	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	13.600	86.954	1.182.574.400	01018	Viện Y học Phòng không Không quân	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
85	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	100	86.954	8.695.400	01927	Viện Y học phóng xạ và U bướu Quân đội	Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội	Bắc
86	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	800	86.954	69.563.200	30016	Ban Bảo vệ CSSK cán bộ	Hải Dương	Sở Y Tế Hải Dương	Bắc
87	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.200	86.954	278.252.800	30298	Bệnh viện YHCT Hải Dương	Hải Dương	Sở Y Tế Hải Dương	Bắc
88	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	7.200	86.954	626.068.800	30307	Bệnh viện đa khoa Hòa Bình	Hải Dương	Sở Y Tế Hải Dương	Bắc
89	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.000	86.954	173.908.000	30014	Bệnh viện quân y 7	Hải Dương	Sở Y Tế Hải Dương	Bắc
90	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	252	86.954	21.912.408	30012	BV ĐK huyện Cẩm Giàng	Hải Dương	Sở Y Tế Hải Dương	Bắc
91	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.400	86.954	208.689.600	30004	BV ĐK huyện Nam Sách	Hải Dương	Sở Y Tế Hải Dương	Bắc
92	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.000	86.954	173.908.000	30006	BV ĐK huyện Ninh Giang	Hải Dương	Sở Y Tế Hải Dương	Bắc
93	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.400	86.954	208.689.600	30009	BV ĐK huyện Thanh Hà	Hải Dương	Sở Y Tế Hải Dương	Bắc
94	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	5.980	86.954	519.984.920	30013	BV ĐK tỉnh Hải Dương	Hải Dương	Sở Y Tế Hải Dương	Bắc
95	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	200	86.954	17.390.800	30301	BV Phục hồi chức năng Hải Dương	Hải Dương	Sở Y Tế Hải Dương	Bắc
96	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.200	86.954	104.344.800	30002	Trung tâm Y tế huyện Bình Giang	Hải Dương	Sở Y Tế Hải Dương	Bắc
97	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	160	86.954	13.912.640	30007	Trung tâm Y tế huyện Tứ Kỳ	Hải Dương	Sở Y Tế Hải Dương	Bắc
98	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.090	86.954	94.779.860	30005	Trung Tâm Y Tế Thị Xã Kinh Môn	Hải Dương	Sở Y Tế Hải Dương	Bắc
99	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.400	86.954	208.689.600	30011	TTYT huyện Thanh Miện	Hải Dương	Sở Y Tế Hải Dương	Bắc
100	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.800	86.954	330.425.200	31017	Bệnh viện Công an thành phố HP	Hải Phòng	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng	Bắc

Handwritten signature

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
101	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.000	86.954	86.954.000	31022	Bệnh viện Giao thông vận tải Hải Phòng	Hải Phòng	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng	Bắc
102	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.040	86.954	90.432.160	31153	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	Hải Phòng	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng	Bắc
103	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	200	86.954	17.390.800	31031	Bệnh viện Kiến An	Hải Phòng	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng	Bắc
104	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	880	86.954	76.519.520	31011	Trung tâm y tế huyện Kiến Thụy	Hải Phòng	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng	Bắc
105	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	200	86.954	17.390.800	31005	Trung tâm y tế quận Kiến An	Hải Phòng	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hải Phòng	Bắc
106	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.000	86.954	260.862.000	17014	Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe tỉnh Hòa Bình	Hòa Bình	Sở Y Tế Hòa Bình	Bắc
107	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	19.200	86.954	1.669.516.800	17001	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hòa Bình	Hòa Bình	Sở Y Tế Hòa Bình	Bắc
108	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.600	86.954	139.126.400	17012	Trung tâm Y tế huyện Kim Bôi	Hòa Bình	Sở Y Tế Hòa Bình	Bắc
109	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	100	86.954	8.695.400	17009	Trung tâm Y tế huyện Tân Lạc	Hòa Bình	Sở Y Tế Hòa Bình	Bắc
110	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.600	86.954	313.034.400	33033	Bệnh viện đa khoa Phố Nối	Hưng Yên	Sở Y Tế Hưng Yên	Bắc

Phụ lục

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
111	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	19.740	86.954	1.716.471.960	33011	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên	Sở Y Tế Hưng Yên	Bắc
112	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	680	86.954	59.128.720	33016	Bệnh viện Y học cổ truyền	Hưng Yên	Sở Y Tế Hưng Yên	Bắc
113	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	12.000	86.954	1.043.448.000	33052	Công ty cổ phần bệnh viện ĐK Hưng Hà	Hưng Yên	Sở Y Tế Hưng Yên	Bắc
114	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.600	86.954	139.126.400	33060	Trung tâm y tế huyện Khoái Châu	Hưng Yên	Sở Y Tế Hưng Yên	Bắc
115	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	120	86.954	10.434.480	33040	Trung tâm y tế huyện Kim Động	Hưng Yên	Sở Y Tế Hưng Yên	Bắc
116	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.000	86.954	173.908.000	33020	Trung tâm y tế huyện Tiên Lữ	Hưng Yên	Sở Y Tế Hưng Yên	Bắc
117	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.040	86.954	177.386.160	33070	Trung tâm y tế huyện Văn Giang	Hưng Yên	Sở Y Tế Hưng Yên	Bắc
118	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	100	86.954	8.695.400	33101	Trung tâm y tế huyện Văn Lâm	Hưng Yên	Sở Y Tế Hưng Yên	Bắc
119	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	12.000	86.954	1.043.448.000	12096	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lai Châu	Lai Châu	Sở Y Tế Lai Châu	Bắc
120	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	115	86.954	9.999.710	12015	Trung tâm y tế huyện Mường Tè	Lai Châu	Sở Y Tế Lai Châu	Bắc
121	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	500	86.954	43.477.000	12135	Trung tâm y tế huyện Nậm Nhùn	Lai Châu	Sở Y Tế Lai Châu	Bắc
122	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	120	86.954	10.434.480	12014	Trung tâm y tế huyện Sìn Hồ	Lai Châu	Sở Y Tế Lai Châu	Bắc
123	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.000	86.954	86.954.000	12001	Trung tâm y tế huyện Tam Đường	Lai Châu	Sở Y Tế Lai Châu	Bắc
124	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.400	86.954	208.689.600	12101	Trung tâm y tế huyện Tân Uyên	Lai Châu	Sở Y Tế Lai Châu	Bắc
125	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.000	86.954	86.954.000	12016	Trung tâm y tế huyện Than Uyên	Lai Châu	Sở Y Tế Lai Châu	Bắc
126	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	14.000	86.954	1.217.356.000	20003	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lạng Sơn	Lạng Sơn	Sở Y Tế Lạng Sơn	Bắc
127	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	360	86.954	31.303.440	20019	Bệnh viện Phổi Lạng Sơn	Lạng Sơn	Sở Y Tế Lạng Sơn	Bắc
128	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.000	86.954	173.908.000	20009	Trung tâm y tế huyện Bắc Sơn	Lạng Sơn	Sở Y Tế Lạng Sơn	Bắc
129	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.200	86.954	104.344.800	20014	Trung tâm y tế huyện Chi Lăng	Lạng Sơn	Sở Y Tế Lạng Sơn	Bắc
130	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.680	86.954	146.082.720	20016	Trung tâm y tế huyện Hữu Lũng	Lạng Sơn	Sở Y Tế Lạng Sơn	Bắc

Phụ lục

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
131	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.000	86.954	173.908.000	20006	Trung tâm y tế huyện Trảng Định	Lạng Sơn	Sở Y Tế Lạng Sơn	Bắc
132	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	240	86.954	20.868.960	20008	Trung tâm y tế huyện Văn Lãng	Lạng Sơn	Sở Y Tế Lạng Sơn	Bắc
133	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.760	86.954	153.039.040	10005	Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Hà - Lào Cai	Lào Cai	Sở Y Tế tỉnh Lào Cai	Bắc
134	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.000	86.954	173.908.000	10003	Bệnh viện đa khoa huyện Bảo Thắng - Lào Cai	Lào Cai	Sở Y Tế tỉnh Lào Cai	Bắc
135	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.200	86.954	104.344.800	10007	Bệnh viện đa khoa huyện Bát Xát - Lào Cai	Lào Cai	Sở Y Tế tỉnh Lào Cai	Bắc
136	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	400	86.954	34.781.600	10006	Bệnh viện đa khoa huyện Mường Khương - Lào Cai	Lào Cai	Sở Y Tế tỉnh Lào Cai	Bắc
137	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.600	86.954	226.080.400	10008	Bệnh viện đa khoa huyện Văn Bàn - Lào Cai	Lào Cai	Sở Y Tế tỉnh Lào Cai	Bắc
138	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.000	86.954	173.908.000	10068	Bệnh viện đa khoa Thành phố Lào Cai	Lào Cai	Sở Y Tế tỉnh Lào Cai	Bắc
139	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	13.200	86.954	1.147.792.800	10061	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai	Lào Cai	Sở Y Tế tỉnh Lào Cai	Bắc
140	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	500	86.954	43.477.000	10010	Bệnh viện Y học cổ truyền - Lào Cai	Lào Cai	Sở Y Tế tỉnh Lào Cai	Bắc
141	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	480	86.954	41.737.920	10021	Trung tâm Y tế huyện Si Ma Cai - Lào Cai	Lào Cai	Sở Y Tế tỉnh Lào Cai	Bắc
142	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	10.400	86.954	904.321.600	36001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định	Nam Định	Sở Y Tế Nam Định	Bắc
143	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.200	86.954	104.344.800	36011	Trung tâm Y tế huyện Trực Ninh	Nam Định	Sở Y Tế Nam Định	Bắc
144	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	500	86.954	43.477.000	36041	Trung tâm Y tế Thành phố Nam Định	Nam Định	Sở Y Tế Nam Định	Bắc
145	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.000	86.954	86.954.000	37301	Bệnh viện đa khoa huyện Nho Quan	Ninh Bình	Sở Y Tế Ninh Bình	Bắc
146	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.800	86.954	243.471.200	37101	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình	Ninh Bình	Sở Y Tế Ninh Bình	Bắc
147	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	10.000	86.954	869.540.000	37102	Bệnh viện quân y 5 - Quân khu 3	Ninh Bình	Sở Y Tế Ninh Bình	Bắc

Handwritten signature

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
148	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.600	86.954	139.126.400	37401	Trung tâm y tế huyện Gia Viễn	Ninh Bình	Sở Y Tế Ninh Bình	Bắc
149	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	240	86.954	20.868.960	37801	Trung tâm y tế huyện Yên Khánh	Ninh Bình	Sở Y Tế Ninh Bình	Bắc
150	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	500	86.954	43.477.000	37601	Trung tâm y tế huyện Yên Mô	Ninh Bình	Sở Y Tế Ninh Bình	Bắc
151	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	200	86.954	17.390.800	25012	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Lập	Phú Thọ	Sở Y Tế Phú Thọ	Bắc
152	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	800	86.954	69.563.200	25002	Bệnh viện đa khoa thị xã Phú Thọ	Phú Thọ	Sở Y Tế Phú Thọ	Bắc
153	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.000	86.954	173.908.000	25001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ	Phú Thọ	Sở Y Tế Phú Thọ	Bắc
154	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.000	86.954	86.954.000	25011	Trung tâm Y tế huyện Cẩm Khê	Phú Thọ	Sở Y Tế Phú Thọ	Bắc
155	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.600	86.954	139.126.400	25015	Trung tâm y tế huyện Đoan Hùng	Phú Thọ	Sở Y Tế Phú Thọ	Bắc
156	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	880	86.954	76.519.520	25014	Trung tâm y tế huyện Hạ Hòa	Phú Thọ	Sở Y Tế Phú Thọ	Bắc
157	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.320	86.954	114.779.280	25004	Trung tâm y tế huyện Lâm Thao	Phú Thọ	Sở Y Tế Phú Thọ	Bắc
158	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	640	86.954	55.650.560	25010	Trung tâm Y tế huyện Thanh Sơn	Phú Thọ	Sở Y Tế Phú Thọ	Bắc
159	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	13.780	86.954	1.198.226.120	22002	Bệnh viện Bãi Cháy	Quảng Ninh	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc
160	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	4.000	86.954	347.816.000	22007	Bệnh viện đa khoa Cẩm phả	Quảng Ninh	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc
161	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.700	86.954	147.821.800	22095	Bệnh viện đa khoa KV Cẩm Phả	Quảng Ninh	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc
162	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	25.600	86.954	2.226.022.400	22001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh	Quảng Ninh	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc
163	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	200	86.954	17.390.800	22150	Bệnh viện Sản- Nhi tỉnh Quảng Ninh	Quảng Ninh	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc
164	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	40.000	86.954	3.478.160.000	22030	Bệnh viện Việt Nam Thụy Điển - Uống bí	Quảng Ninh	Bộ Y tế	Bắc
165	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.200	86.954	104.344.800	22026	Trung tâm y tế huyện Ba Chẽ	Quảng Ninh	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc
166	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.000	86.954	260.862.000	22022	Trung tâm Y tế huyện Tiên Yên	Quảng Ninh	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
167	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.200	86.954	191.298.800	22042	Trung tâm Y tế Than khu vực Mạo Khê	Quảng Ninh	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc
168	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.000	86.954	173.908.000	22027	Trung tâm Y tế thành phố Móng Cái	Quảng Ninh	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc
169	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.000	86.954	260.862.000	22015	Trung tâm Y tế thị xã Đông Triều	Quảng Ninh	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc
170	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.040	86.954	90.432.160	22017	Trung tâm Y tế thị xã Quảng Yên	Quảng Ninh	Sở Y Tế Quảng Ninh	Bắc
171	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.000	86.954	260.862.000	14010	Bệnh viện đa khoa Bắc Yên	Sơn La	Sở Y Tế Sơn La	Bắc
172	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	9.000	86.954	782.586.000	14240	Bệnh viện đa khoa Cuộc Sống	Sơn La	Sở Y Tế Sơn La	Bắc
173	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.920	86.954	166.951.680	14004	Bệnh viện đa khoa huyện Phù yên	Sơn La	Sở Y Tế Sơn La	Bắc
174	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	5.790	86.954	503.463.660	14002	Bệnh viện đa khoa Mai Sơn	Sơn La	Sở Y Tế Sơn La	Bắc
175	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	600	86.954	52.172.400	14009	Bệnh viện đa khoa Mường La	Sơn La	Sở Y Tế Sơn La	Bắc
176	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	700	86.954	60.867.800	14007	Bệnh viện đa khoa Sông Mã	Sơn La	Sở Y Tế Sơn La	Bắc
177	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	5.444	86.954	473.377.576	14011	Bệnh viện đa khoa Thảo Nguyên	Sơn La	Sở Y Tế Sơn La	Bắc
178	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.000	86.954	173.908.000	14005	Bệnh viện đa khoa Thuận Châu	Sơn La	Sở Y Tế Sơn La	Bắc
179	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	5.296	86.954	460.508.384	14001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La	Sơn La	Sở Y Tế Sơn La	Bắc
180	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.000	86.954	173.908.000	14006	Bệnh viện đa khoa Yên Châu	Sơn La	Sở Y Tế Sơn La	Bắc
181	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.400	86.954	208.689.600	14013	Bệnh viện Quân y 6	Sơn La	Sở Y Tế Sơn La	Bắc
182	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	500	86.954	43.477.000	34317	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe tỉnh	Thái Bình	Sở Y Tế Thái Bình	Bắc
183	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	4.000	86.954	347.816.000	34004	Bệnh viện đa khoa huyện Kiến Xương	Thái Bình	Sở Y Tế Thái Bình	Bắc
184	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	6.240	86.954	542.592.960	34007	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Phụ	Thái Bình	Sở Y Tế Thái Bình	Bắc
185	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	4.400	86.954	382.597.600	34005	Bệnh viện đa khoa huyện Tiền Hải	Thái Bình	Sở Y Tế Thái Bình	Bắc
186	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.400	86.954	208.689.600	34311	Bệnh viện đa khoa Nam Tiền Hải	Thái Bình	Sở Y Tế Thái Bình	Bắc

gltv

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
187	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/truyền	ống	1.200	86.954	104.344.800	34312	Bệnh viện đa khoa Phụ Dục	Thái Bình	Sở Y Tế Thái Bình	Bắc
188	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.400	86.954	208.689.600	34314	Bệnh viện đa khoa Thái Ninh	Thái Bình	Sở Y Tế Thái Bình	Bắc
189	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.200	86.954	104.344.800	34002	Bệnh viện đa khoa thành phố Thái Bình	Thái Bình	Sở Y Tế Thái Bình	Bắc
190	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	5.980	86.954	519.984.920	34001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình	Thái Bình	Sở Y Tế Thái Bình	Bắc
191	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	400	86.954	34.781.600	34014	Bệnh viện Đại học Y Thái Bình	Thái Bình	Bộ Y tế	Bắc
192	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	320	86.954	27.825.280	19033	Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Thái Nguyên	Thái Nguyên	Đơn vị MSTTĐP Thái Nguyên	Bắc
193	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	12.000	86.954	1.043.448.000	19012	Bệnh viện A Thái Nguyên	Thái Nguyên	Đơn vị MSTTĐP Thái Nguyên	Bắc
194	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	12.000	86.954	1.043.448.000	19013	Bệnh viện C Thái Nguyên	Thái Nguyên	Đơn vị MSTTĐP Thái Nguyên	Bắc
195	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	800	86.954	69.563.200	19007	Bệnh viện đa khoa huyện Đại Từ	Thái Nguyên	Đơn vị MSTTĐP Thái Nguyên	Bắc
196	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.400	86.954	208.689.600	19005	Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Đơn vị MSTTĐP Thái Nguyên	Bắc
197	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.900	86.954	339.120.600	19009	Bệnh viện đa khoa huyện Phú Bình	Thái Nguyên	Đơn vị MSTTĐP Thái Nguyên	Bắc
198	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	100	86.954	8.695.400	19006	Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nhai	Thái Nguyên	Đơn vị MSTTĐP Thái Nguyên	Bắc
199	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	10.000	86.954	869.540.000	19010	Bệnh viện đa khoa TW Thái Nguyên	Thái Nguyên	Bộ Y tế	Bắc
200	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	9.400	86.954	817.367.600	19014	Bệnh viện Gang thép	Thái Nguyên	Đơn vị MSTTĐP Thái Nguyên	Bắc
201	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.000	86.954	260.862.000	19015	Bệnh viện Quân Y 91	Thái Nguyên	Đơn vị MSTTĐP Thái Nguyên	Bắc

Handwritten signature

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
202	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	520	86.954	45.216.080	19019	Bệnh viện Trường Đại học Y khoa	Thái Nguyên	Đơn vị MSTTĐP Thái Nguyên	Bắc
203	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.600	86.954	226.080.400	19666	Công ty cổ phần Bệnh viện Quốc Tế Thái Nguyên	Thái Nguyên	Đơn vị MSTTĐP Thái Nguyên	Bắc
204	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.000	86.954	86.954.000	19008	Trung tâm y tế thị xã Phổ Yên	Thái Nguyên	Đơn vị MSTTĐP Thái Nguyên	Bắc
205	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	255	86.954	22.173.270	08104	BỆNH VIỆN CÔNG AN TỈNH TUYẾN QUANG	Tuyên Quang	Sở Y Tế Tuyên Quang	Bắc
206	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	600	86.954	52.172.400	08307	Bệnh viện đa khoa khu vực Kim Xuyên	Tuyên Quang	Sở Y Tế Tuyên Quang	Bắc
207	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.000	86.954	173.908.000	08003	Bệnh viện đa khoa Phương Bắc	Tuyên Quang	Sở Y Tế Tuyên Quang	Bắc
208	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	5.000	86.954	434.770.000	08101	Bệnh viện đa khoa Tuyên Quang	Tuyên Quang	Sở Y Tế Tuyên Quang	Bắc
209	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.200	86.954	191.298.800	08201	Bệnh viện Suối khoáng Mỹ Lâm	Tuyên Quang	Sở Y Tế Tuyên Quang	Bắc
210	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	10.500	86.954	913.017.000	08501	Trung tâm y tế huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	Sở Y Tế Tuyên Quang	Bắc
211	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	4.000	86.954	347.816.000	08401	Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	Sở Y Tế Tuyên Quang	Bắc
212	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	915	86.954	79.562.910	08602	Trung tâm Y tế huyện Na Hang	Tuyên Quang	Sở Y Tế Tuyên Quang	Bắc
213	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	4.000	86.954	347.816.000	08303	Trung tâm y tế huyện Sơn Dương	Tuyên Quang	Sở Y Tế Tuyên Quang	Bắc
214	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.600	86.954	139.126.400	08204	Trung tâm y tế huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	Sở Y Tế Tuyên Quang	Bắc
215	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	16.000	86.954	1.391.264.000	26030	Bệnh viện đa khoa khu vực Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Bắc

Thanh

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
216	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/truyền	ống	6.200	86.954	539.114.800	26001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Bắc
217	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	700	86.954	60.867.800	26021	Bệnh viện Giao thông vận tải Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Bắc
218	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	20.000	86.954	1.739.080.000	26009	Bệnh viện quân y 109	Vĩnh Phúc	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Bắc
219	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.050	86.954	178.255.700	26016	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Bắc
220	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	560	86.954	48.694.240	26003	Trung tâm y tế huyện Sông Lô	Vĩnh Phúc	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Bắc
221	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	616	86.954	53.563.664	26004	Trung tâm y tế huyện Tam Dương	Vĩnh Phúc	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Bắc
222	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.640	86.954	229.558.560	26005	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Bắc
223	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	260	86.954	22.608.040	26025	Trung tâm y tế thị xã Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Sở Y Tế Vĩnh Phúc	Bắc
224	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	16.000	86.954	1.391.264.000	15901	Bệnh viện đa khoa KV Nghĩa Lộ	Yên Bái	Sở Y Tế Yên Bái	Bắc
225	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	29.640	86.954	2.577.316.560	15101	Bệnh viện đa khoa tỉnh Yên Bái	Yên Bái	Sở Y Tế Yên Bái	Bắc
226	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.200	86.954	104.344.800	15030	Bệnh viện Lao và phổi tỉnh Yên Bái	Yên Bái	Sở Y Tế Yên Bái	Bắc
227	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.200	86.954	104.344.800	15201	Trung tâm y tế huyện Lục Yên	Yên Bái	Sở Y Tế Yên Bái	Bắc
228	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.600	86.954	139.126.400	15701	Trung tâm y tế huyện Trấn Yên	Yên Bái	Sở Y Tế Yên Bái	Bắc
229	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	400	86.954	34.781.600	15301	Trung tâm y tế huyện Văn Yên	Yên Bái	Sở Y Tế Yên Bái	Bắc
230	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.300	86.954	113.040.200	15401	Trung tâm y tế huyện Yên Bình	Yên Bái	Sở Y Tế Yên Bái	Bắc
231	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	500	86.954	43.477.000	15104	Trung tâm y tế thành phố Yên Bái	Yên Bái	Sở Y Tế Yên Bái	Bắc
232	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.600	86.954	139.126.400	52010	Bệnh viện Phong - Da liễu trung ương Quy Hòa	Bình Định	Bộ Y tế	Trung
233	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.040	86.954	90.432.160	52004	Bệnh viện Quân Y 13 - Quân khu 5	Bình Định	Sở Y Tế Bình Định	Trung
234	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.000	86.954	260.862.000	52014	Trung tâm y tế huyện Hoài Nhơn	Bình Định	Sở Y Tế Bình Định	Trung

Handwritten signature

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
235	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.800	86.954	243.471.200	52009	Trung tâm y tế huyện Phù Cát	Bình Định	Sở Y Tế Bình Định	Trung
236	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.400	86.954	208.689.600	52006	Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước	Bình Định	Sở Y Tế Bình Định	Trung
237	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.400	86.954	208.689.600	52002	Trung tâm y tế thành phố Quy Nhơn	Bình Định	Sở Y Tế Bình Định	Trung
238	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	520	86.954	45.216.080	52007	Trung tâm y tế thị xã An Nhơn	Bình Định	Sở Y Tế Bình Định	Trung
239	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	240	86.954	20.868.960	60012	Bệnh viện đa khoa huyện Hàm Thuận Nam	Bình Thuận	Sở Y Tế Bình Thuận	Trung
240	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	896	86.954	77.910.784	60037	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Bình Thuận	Bình Thuận	Sở Y Tế Bình Thuận	Trung
241	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.552	86.954	308.860.608	60002	Bệnh viện đa khoa khu vực La Gi	Bình Thuận	Sở Y Tế Bình Thuận	Trung
242	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.200	86.954	278.252.800	60015	Bệnh viện đa khoa khu vực Nam Bình Thuận	Bình Thuận	Sở Y Tế Bình Thuận	Trung
243	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	464	86.954	40.346.656	60043	Bệnh viện đa khoa tư nhân An Phước	Bình Thuận	Sở Y Tế Bình Thuận	Trung
244	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	512	86.954	44.520.448	60016	Trung tâm y tế Quân dân y huyện Phú Quý	Bình Thuận	Sở Y Tế Bình Thuận	Trung
245	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.500	86.954	217.385.000	48065	Bệnh viện 199 - Bộ Công An	Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
246	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.200	86.954	104.344.800	48002	Bệnh viện C Đà Nẵng	Đà Nẵng	Bộ Y tế	Trung
247	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	12.230	86.954	1.063.447.420	48120	Bệnh viện Chính hình và PHCN ĐN	Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
248	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	4.800	86.954	417.379.200	48195	Bệnh viện đa khoa Gia Đình	Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
249	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	5.320	86.954	462.595.280	48072	Bệnh viện đa khoa Hoàn Mỹ Đà Nẵng	Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
250	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.200	86.954	191.298.800	48201	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Đà Nẵng	Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
251	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	22.000	86.954	1.912.988.000	48001	Bệnh viện Đà Nẵng	Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung

phucth

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
252	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.010	86.954	174.777.540	48006	Bệnh viện Quân Y 17/QK 5	Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
253	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	100	86.954	8.695.400	48126	Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng	Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
254	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.200	86.954	278.252.800	48017	Bệnh viện Y học Cổ truyền	Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
255	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	120	86.954	10.434.480	48073	Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Bình Dân	Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
256	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	720	86.954	62.606.880	48003	TRUNG TÂM Y TẾ QUẬN HẢI CHÂU	Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
257	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	220	86.954	19.129.880	48008	Trung tâm y tế quận Liên Chiểu	Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
258	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.000	86.954	86.954.000	48004	Trung tâm y tế quận Thanh Khê	Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng	Trung
259	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.100	86.954	269.557.400	66020	Bệnh viện đa khoa huyện Buôn Đôn	Đắk Lắk	Sở Y Tế Đắk Lắk	Trung
260	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.060	86.954	92.171.240	66017	Bệnh viện đa khoa huyện Krông Năng	Đắk Lắk	Sở Y Tế Đắk Lắk	Trung
261	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	800	86.954	69.563.200	66003	Bệnh viện đa khoa Thành phố Buôn Ma Thuột	Đắk Lắk	Sở Y Tế Đắk Lắk	Trung
262	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.200	86.954	278.252.800	66232	Bệnh viện đa khoa Thiện Hạnh	Đắk Lắk	Sở Y Tế Đắk Lắk	Trung
263	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	250	86.954	21.738.500	66002	Bệnh viện YHCT Đắk Lắk	Đắk Lắk	Sở Y Tế Đắk Lắk	Trung
264	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	8.000	86.954	695.632.000	67072	Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông	Đắk Nông	Sở Y Tế Đắk Nông	Trung
265	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	80	86.954	6.956.320	67050	trung tâm y tế H.Đắk Song	Đắk Nông	Sở Y Tế Đắk Nông	Trung
266	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	40	86.954	3.478.160	67001	Trung tâm Y tế Huyện Đắk GLong	Đắk Nông	Sở Y Tế Đắk Nông	Trung
267	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.800	86.954	243.471.200	67014	Trung tâm Y tế huyện Đắk R'Lấp	Đắk Nông	Sở Y Tế Đắk Nông	Trung
268	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.000	86.954	86.954.000	64015	Bệnh viện 331	Gia Lai	Sở Y Tế Gia Lai	Trung
269	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	600	86.954	52.172.400	64003	Bệnh viện đa khoa khu vực thị xã An Khê	Gia Lai	Sở Y Tế Gia Lai	Trung

thực

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
270	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.500	86.954	217.385.000	64249	Bệnh viện đa khoa khu vực thị xã Ayun Pa	Gia Lai	Sở Y Tế Gia Lai	Trung
271	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	6.800	86.954	591.287.200	64001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai	Gia Lai	Sở Y Tế Gia Lai	Trung
272	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	5.000	86.954	434.770.000	64017	Bệnh viện đại học Y dược Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai	Sở Y Tế Gia Lai	Trung
273	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	800	86.954	69.563.200	64246	Bệnh viện Quân y 15	Gia Lai	Sở Y Tế Gia Lai	Trung
274	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	500	86.954	43.477.000	64007	Trung tâm y tế huyện Chư Sê	Gia Lai	Sở Y Tế Gia Lai	Trung
275	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	6.000	86.954	521.724.000	64020	Viện Quân Y 211	Gia Lai	Sở Y Tế Gia Lai	Trung
276	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.000	86.954	86.954.000	42010	Bệnh viện đa khoa Kỳ Anh	Hà Tĩnh	Sở Y Tế Hà Tĩnh	Trung
277	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	800	86.954	69.563.200	42001	Bệnh viện đa khoa Thành phố Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Sở Y Tế Hà Tĩnh	Trung
278	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.800	86.954	156.517.200	42002	Bệnh viện đa khoa Thị xã Hồng Lĩnh	Hà Tĩnh	Sở Y Tế Hà Tĩnh	Trung
279	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	4.000	86.954	347.816.000	42020	Bệnh viện Phục hồi chức năng Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Sở Y Tế Hà Tĩnh	Trung
280	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	4.000	86.954	347.816.000	42003	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HUƠNG SƠN	Hà Tĩnh	Sở Y Tế Hà Tĩnh	Trung
281	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	960	86.954	83.475.840	42011	Trung tâm Y tế huyện Vũ Quang	Hà Tĩnh	Sở Y Tế Hà Tĩnh	Trung
282	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	12.438	86.954	1.081.533.852	56175	Bệnh viện Đa khoa KV Ninh Hòa	Khánh Hòa	Sở Y Tế Khánh Hòa	Trung
283	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	44.000	86.954	3.825.976.000	56001	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa	Khánh Hòa	Sở Y Tế Khánh Hòa	Trung
284	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.600	86.954	313.034.400	56191	Bệnh viện Vinmec Nha Trang	Khánh Hòa	Sở Y Tế Khánh Hòa	Trung
285	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	160	86.954	13.912.640	56007	Trung tâm y tế huyện Khánh Sơn	Khánh Hòa	Sở Y Tế Khánh Hòa	Trung
286	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.500	86.954	130.431.000	56003	Trung tâm y tế thị xã Ninh Hòa	Khánh Hòa	Sở Y Tế Khánh Hòa	Trung
287	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	7.000	86.954	608.678.000	62001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum	Kon Tum	Sở Y Tế Kon Tum	Trung
288	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	310	86.954	26.955.740	62004	Trung tâm y tế huyện Đăk Tô	Kon Tum	Sở Y Tế Kon Tum	Trung

Handwritten signature

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
289	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.000	86.954	173.908.000	68650	Bệnh viện đa khoa II Lâm Đồng	Lâm Đồng	Sở Y Tế Lâm Đồng	Trung
290	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	43.200	86.954	3.756.412.800	68001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng	Lâm Đồng	Sở Y Tế Lâm Đồng	Trung
291	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.200	86.954	104.344.800	68002	Bệnh viện YHCT Phạm Ngọc Thạch-Lâm Đồng	Lâm Đồng	Sở Y Tế Lâm Đồng	Trung
292	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	700	86.954	60.867.800	68720	Trung tâm y tế huyện Bảo Lâm	Lâm Đồng	Sở Y Tế Lâm Đồng	Trung
293	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	800	86.954	69.563.200	68930	Trung tâm y tế huyện Cát Tiên	Lâm Đồng	Sở Y Tế Lâm Đồng	Trung
294	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	960	86.954	83.475.840	68860	Trung tâm y tế huyện Đạ Tẻh	Lâm Đồng	Sở Y Tế Lâm Đồng	Trung
295	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.000	86.954	173.908.000	68580	Trung tâm y tế huyện Di Linh	Lâm Đồng	Sở Y Tế Lâm Đồng	Trung
296	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	250	86.954	21.738.500	68440	Trung tâm y tế huyện Đức Trọng	Lâm Đồng	Sở Y Tế Lâm Đồng	Trung
297	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	500	86.954	43.477.000	68510	Trung tâm y tế huyện Lâm Hà	Lâm Đồng	Sở Y Tế Lâm Đồng	Trung
298	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.000	86.954	173.908.000	40571	Bệnh viện Chấn thương - Chính hình Nghệ An	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
299	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.655	86.954	230.862.870	40544	Bệnh viện đa khoa Cửa Đông	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
300	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	840	86.954	73.041.360	40007	Bệnh viện đa khoa huyện Diễn Châu	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
301	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	6.400	86.954	556.505.600	40005	Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
302	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.600	86.954	226.080.400	40009	Bệnh viện đa khoa huyện Nghi Lộc	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
303	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.200	86.954	191.298.800	40008	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Lưu	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
304	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.900	86.954	165.212.600	40006	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
305	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	8.000	86.954	695.632.000	40013	Bệnh viện đa khoa KV Tây Nam Nghệ An	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
306	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.320	86.954	201.733.280	40545	Bệnh viện đa khoa Phú Diễn	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
307	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	4.900	86.954	426.074.600	40543	Bệnh viện đa khoa Thái An	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung

Handwritten signature

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
308	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	4.800	86.954	417.379.200	40019	Bệnh viện đa khoa Thành phố Vinh	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
309	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	320	86.954	27.825.280	40001	Bệnh viện hữu nghị đa khoa tỉnh Nghệ An	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
310	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	480	86.954	41.737.920	40065	Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nghệ An	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
311	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.200	86.954	278.252.800	40026	Bệnh viện Quân y 4-Quân khu 4	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
312	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.465	86.954	127.387.610	40574	Bệnh viện Quốc tế Vinh	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
313	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.000	86.954	86.954.000	40021	Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
314	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	100	86.954	8.695.400	40025	Bệnh viện Y học Cổ truyền	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
315	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.633	86.954	141.995.882	40542	Công ty cổ phần Bệnh viện 115	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
316	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	4.000	86.954	347.816.000	40010	Trung tâm y tế huyện Anh Sơn	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
317	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.200	86.954	278.252.800	40002	Trung tâm y tế huyện Hưng Nguyên	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
318	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.200	86.954	104.344.800	40567	Trung tâm y tế huyện Nghĩa Đàn	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
319	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.600	86.954	139.126.400	40017	Trung tâm y tế huyện Quỳnh Châu	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
320	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.200	86.954	191.298.800	40016	Trung tâm y tế huyện Quỳnh Hợp	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
321	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	4.400	86.954	382.597.600	40012	Trung tâm y tế huyện Tân Kỳ	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
322	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.488	86.954	129.387.552	40014	Trung tâm y tế huyện Tương Dương	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
323	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	300	86.954	26.086.200	40020	Trung tâm y tế Thị xã Cửa Lò	Nghệ An	Sở Y Tế Nghệ An	Trung
324	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	40.000	86.954	3.478.160.000	58001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Thuận	Ninh Thuận	Sở Y Tế Ninh Thuận	Trung
325	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	8.000	86.954	695.632.000	54001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên	Phú Yên	Sở Y Tế Phú Yên	Trung
326	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.280	86.954	111.301.120	54008	Bệnh viện Phục hồi chức năng Phú Yên	Phú Yên	Sở Y Tế Phú Yên	Trung
327	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	480	86.954	41.737.920	54007	Trung Tâm Y Tế huyện Đồng Xuân	Phú Yên	Sở Y Tế Phú Yên	Trung

phần

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
328	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.320	86.954	114.779.280	54028	Trung tâm Y tế huyện Phú Hòa	Phú Yên	Sở Y Tế Phú Yên	Trung
329	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	500	86.954	43.477.000	54006	Trung tâm y tế huyện Sơn Hòa	Phú Yên	Sở Y Tế Phú Yên	Trung
330	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	240	86.954	20.868.960	54004	Trung tâm Y tế huyện Sông Hinh	Phú Yên	Sở Y Tế Phú Yên	Trung
331	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	480	86.954	41.737.920	54012	Trung tâm Y tế huyện Tây Hòa	Phú Yên	Sở Y Tế Phú Yên	Trung
332	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	523	86.954	45.476.942	44005	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba Đồng Hới	Quảng Bình	Bộ Y tế	Trung
333	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.200	86.954	104.344.800	49001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Nam	Quảng Nam	Sở Y Tế Quảng Nam	Trung
334	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	80	86.954	6.956.320	49013	Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam	Quảng Nam	Bộ Y tế	Trung
335	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	560	86.954	48.694.240	49088	Trung tâm y tế huyện Nông Sơn	Quảng Nam	Sở Y Tế Quảng Nam	Trung
336	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	4.000	86.954	347.816.000	49008	Trung tâm Y tế huyện Quế Sơn	Quảng Nam	Sở Y Tế Quảng Nam	Trung
337	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	500	86.954	43.477.000	51010	Bệnh viện đa khoa khu vực Đặng Thuỳ Trâm	Quảng Ngãi	Sở Y Tế Quảng Ngãi	Trung
338	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.200	86.954	104.344.800	51001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Sở Y Tế Quảng Ngãi	Trung
339	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.360	86.954	292.165.440	51221	Bệnh viện đa khoa tư nhân Phúc Hưng	Quảng Ngãi	Sở Y Tế Quảng Ngãi	Trung
340	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	80	86.954	6.956.320	51006	Trung tâm Y tế huyện Tư Nghĩa	Quảng Ngãi	Sở Y Tế Quảng Ngãi	Trung
341	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.600	86.954	313.034.400	45011	Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Hải	Quảng Trị	Sở Y Tế Quảng Trị	Trung
342	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.300	86.954	286.948.200	45010	Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị	Quảng Trị	Sở Y Tế Quảng Trị	Trung
343	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	160	86.954	13.912.640	45009	Trung tâm y tế huyện Đakrông	Quảng Trị	Sở Y Tế Quảng Trị	Trung
344	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	640	86.954	55.650.560	45007	Trung tâm y tế huyện Hải Lăng	Quảng Trị	Sở Y Tế Quảng Trị	Trung
345	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.350	86.954	117.387.900	45006	Trung tâm y tế huyện Triệu Phong	Quảng Trị	Sở Y Tế Quảng Trị	Trung
346	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.800	86.954	243.471.200	45003	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Linh	Quảng Trị	Sở Y Tế Quảng Trị	Trung

Handwritten signature

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
347	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.684	86.954	146.430.536	38050	Bệnh viện đa khoa huyện Bá Thước	Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
348	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.000	86.954	173.908.000	38100	Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Thủy	Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
349	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	5.200	86.954	452.160.800	38180	Bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung	Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
350	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.400	86.954	208.689.600	38190	Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa	Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
351	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.640	86.954	229.558.560	38080	Bệnh viện đa khoa huyện Lang Chánh	Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
352	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	956	86.954	83.128.024	38270	Bệnh viện đa khoa huyện Mường Lát	Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
353	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	720	86.954	62.606.880	38200	Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn	Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
354	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	900	86.954	78.258.600	38070	Bệnh viện đa khoa huyện Như Xuân	Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
355	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.340	86.954	116.518.360	38240	Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hoá	Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
356	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	9.600	86.954	834.758.400	38120	Bệnh viện đa khoa huyện Thọ Xuân	Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
357	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	4.800	86.954	417.379.200	38060	Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân	Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
358	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	800	86.954	69.563.200	38130	Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Lộc	Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
359	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	8.400	86.954	730.413.600	38140	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Định	Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
360	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	9.600	86.954	834.758.400	38090	Bệnh viện đa khoa KV Ngọc Lặc	Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
361	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.400	86.954	121.735.600	38010	Bệnh viện đa khoa thành phố Thanh Hóa	Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
362	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	48.000	86.954	4.173.792.000	38280	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Thanh Hoá	Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
363	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	150	86.954	13.043.100	38031	Bệnh viện ĐDPHCN Thanh Hóa	Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
364	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.851	86.954	160.951.854	38034	Bệnh viện Điều dưỡng phục hồi chức năng Trung ương	Thanh Hóa	Bộ Y tế	Trung

Handwritten signature

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
365	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	800	86.954	69.563.200	38287	Bệnh viện nhi Thanh Hoá	Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
366	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.640	86.954	229.558.560	38001	Bệnh viện nội tiết Thanh Hoá	Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
367	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	66	86.954	5.738.964	38286	Bệnh viện phổi Thanh Hóa	Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
368	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	367	86.954	31.912.118	38040	BV đa khoa huyện Quan Hoá	Thanh Hóa	Sở Y Tế Thanh Hóa	Trung
369	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	400	86.954	34.781.600	46190	Bệnh viện đa khoa Hoàng Viêt Thắng	Thừa Thiên Huế	Sở Y Tế Thừa Thiên Huế	Trung
370	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.200	86.954	191.298.800	46002	Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế	Thừa Thiên Huế	Sở Y Tế Thừa Thiên Huế	Trung
371	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	320	86.954	27.825.280	46114	Trung tâm y tế thị xã Hương Thủy	Thừa Thiên Huế	Sở Y Tế Thừa Thiên Huế	Trung
372	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	400	86.954	34.781.600	46127	TTYT huyện Phú Lộc	Thừa Thiên Huế	Sở Y Tế Thừa Thiên Huế	Trung
373	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	800	86.954	69.563.200	46005	Viện Quân y 268	Thừa Thiên Huế	Sở Y Tế Thừa Thiên Huế	Trung
374	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	176	86.954	15.303.904	89339	Bệnh viện đa khoa Hạnh Phúc	An Giang	Sở Y Tế An Giang	Nam
375	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.540	86.954	307.817.160	89004	Bệnh viện đa khoa khu vực Tân Châu	An Giang	Sở Y Tế An Giang	Nam
376	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	6.000	86.954	521.724.000	89013	Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh	An Giang	Sở Y Tế An Giang	Nam
377	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	6.280	86.954	546.071.120	89338	Bệnh viện đa khoa Nhật Tân	An Giang	Sở Y Tế An Giang	Nam
378	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	5.280	86.954	459.117.120	89012	Bệnh viện đa khoa TT - AG	An Giang	Sở Y Tế An Giang	Nam
379	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	14.360	86.954	1.248.659.440	89015	Bệnh viện Tim Mạch	An Giang	Sở Y Tế An Giang	Nam
380	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.016	86.954	175.299.264	89003	Trung tâm y tế huyện An Phú	An Giang	Sở Y Tế An Giang	Nam
381	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	17.200	86.954	1.495.608.800	77003	Bệnh viện Bà Rịa	Bà Rịa Vũng Tàu	Sở Y Tế Bà Rịa Vũng Tàu	Nam

ghe

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
382	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.400	86.954	208.689.600	77001	Bệnh viện Lê Lợi	Bà Rịa Vũng Tàu	Sở Y Tế Bà Rịa Vũng Tàu	Nam
383	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.500	86.954	130.431.000	77036	TTYT Vietsovpetro	Bà Rịa Vũng Tàu	Sở Y Tế Bà Rịa Vũng Tàu	Nam
384	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.600	86.954	313.034.400	95005	Bệnh viện đa khoa huyện Hồng Dân	BẠC LIÊU	SỞ Y TẾ BẠC LIÊU	Nam
385	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	800	86.954	69.563.200	95076	Bệnh viện đa khoa Thanh vũ MEDIC	BẠC LIÊU	SỞ Y TẾ BẠC LIÊU	Nam
386	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	5.600	86.954	486.942.400	95078	Bệnh viện đa khoa Thanh Vũ MEDIC Bạc Liêu	BẠC LIÊU	SỞ Y TẾ BẠC LIÊU	Nam
387	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	12.000	86.954	1.043.448.000	95002	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bạc Liêu	BẠC LIÊU	SỞ Y TẾ BẠC LIÊU	Nam
388	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	400	86.954	34.781.600	95007	Trung tâm y tế huyện Đông Hải	BẠC LIÊU	SỞ Y TẾ BẠC LIÊU	Nam
389	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	10.620	86.954	923.451.480	95006	Trung tâm Y tế huyện Phước Long	BẠC LIÊU	SỞ Y TẾ BẠC LIÊU	Nam
390	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	130	86.954	11.304.020	95035	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Lợi	BẠC LIÊU	SỞ Y TẾ BẠC LIÊU	Nam
391	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.300	86.954	113.040.200	83100	Bệnh viện đa khoa khu vực Ba Tri	Bến Tre	Sở Y Tế Bến Tre	Nam
392	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	800	86.954	69.563.200	83700	Trung tâm Y tế huyện Thạnh Phú	Bến Tre	Sở Y Tế Bến Tre	Nam
393	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	18.000	86.954	1.565.172.000	74001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	Bình Dương	Sở Y Tế Bình Dương	Nam
394	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	400	86.954	34.781.600	74021	Bệnh viện Quân Y 4 - Quân đoàn 4	Bình Dương	Sở Y Tế Bình Dương	Nam
395	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	20.000	86.954	1.739.080.000	96001	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	Cà Mau	Sở Y Tế Cà Mau	Nam
396	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	10.560	86.954	918.234.240	96019	Bệnh viện đa khoa Khu vực Cái Nước	Cà Mau	Sở Y Tế Cà Mau	Nam
397	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	400	86.954	34.781.600	96025	Bệnh viện đa khoa KV Đầm Dơi	Cà Mau	Sở Y Tế Cà Mau	Nam
398	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.560	86.954	309.556.240	96014	Bệnh viện đa khoa KV Trần Văn Thời	Cà Mau	Sở Y Tế Cà Mau	Nam
399	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.440	86.954	125.213.760	96067	Trung tâm y tế huyện Ngọc Hiển	Cà Mau	Sở Y Tế Cà Mau	Nam
400	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.200	86.954	104.344.800	96066	Trung tâm y tế huyện Phú Tân	Cà Mau	Sở Y Tế Cà Mau	Nam

Phục

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
401	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.500	86.954	130.431.000	96011	Trung tâm y tế huyện Thới Bình	Cà Mau	Sở Y Tế Cà Mau	Nam
402	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	15.600	86.954	1.356.482.400	92088	Bệnh viện đa khoa Hoàn Mỹ Cửu Long	Cần Thơ	Sở Y Tế thành phố Cần Thơ	Nam
403	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	32.000	86.954	2.782.528.000	92000	Bệnh viện đa khoa TW Cần Thơ	Cần Thơ	Bộ Y tế	Nam
404	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.080	86.954	93.910.320	92092	Bệnh viện Quân dân Y	Cần Thơ	Sở Y Tế thành phố Cần Thơ	Nam
405	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	960	86.954	83.475.840	92120	Bệnh viện Tâm Minh Đức	Cần Thơ	Sở Y Tế thành phố Cần Thơ	Nam
406	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	6.400	86.954	556.505.600	92115	Bệnh viện Trường ĐH Y Dược Cần Thơ	Cần Thơ	Bộ Y tế	Nam
407	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	30.800	86.954	2.678.183.200	92004	BV đa khoa Thành phố Cần Thơ	Cần Thơ	Sở Y Tế thành phố Cần Thơ	Nam
408	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	200	86.954	17.390.800	92114	BV Quốc tế Phương Châu	Cần Thơ	Sở Y Tế thành phố Cần Thơ	Nam
409	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	26.400	86.954	2.295.585.600	92013	BV Y học cổ truyền	Cần Thơ	Sở Y Tế thành phố Cần Thơ	Nam
410	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.000	86.954	260.862.000	75009	Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh	Đồng Nai	Sở Y Tế Đồng Nai	Nam
411	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	8.400	86.954	730.413.600	75002	Bệnh viện đa khoa Thống Nhất Đồng Nai	Đồng Nai	Sở Y Tế Đồng Nai	Nam
412	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	8.966	86.954	779.629.564	75001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Nai	Đồng Nai	Sở Y Tế Đồng Nai	Nam
413	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.050	86.954	178.255.700	75263	Bệnh viện Hoàn Mỹ quốc tế Đồng Nai	Đồng Nai	Sở Y Tế Đồng Nai	Nam
414	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	200	86.954	17.390.800	75021	Bệnh viện Quân y 7B	Đồng Nai	Sở Y Tế Đồng Nai	Nam
415	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.120	86.954	97.388.480	75096	Trung tâm y tế huyện Cẩm Mỹ	Đồng Nai	Sở Y Tế Đồng Nai	Nam
416	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.000	86.954	86.954.000	75015	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Cửu - Cơ sở 1	Đồng Nai	Sở Y Tế Đồng Nai	Nam

Handwritten signature

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
417	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	180	86.954	15.651.720	75013	Trung tâm y tế huyện Xuân Lộc	Đồng Nai	Sở Y Tế Đồng Nai	Nam
418	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.223	86.954	280.252.742	87012	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	Đồng Tháp	Sở Y Tế Đồng Tháp	Nam
419	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.200	86.954	104.344.800	87015	Bệnh viện đa khoa khu vực Hồng Ngự	Đồng Tháp	Sở Y Tế Đồng Tháp	Nam
420	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	14.145	86.954	1.229.964.330	87014	Bệnh viện đa khoa Sa Đéc	Đồng Tháp	Sở Y Tế Đồng Tháp	Nam
421	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.500	86.954	304.339.000	87158	Công ty Cổ phần Bệnh viện Thái Hòa	Đồng Tháp	Sở Y Tế Đồng Tháp	Nam
422	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	8.000	86.954	695.632.000	87174	Công ty Cổ phần BVĐK Tâm Trí Đồng Tháp	Đồng Tháp	Sở Y Tế Đồng Tháp	Nam
423	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	48	86.954	4.173.792	87009	Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	Đồng Tháp	Sở Y Tế Đồng Tháp	Nam
424	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	700	86.954	60.867.800	87011	Trung tâm Y tế huyện Lai Vung	Đồng Tháp	Sở Y Tế Đồng Tháp	Nam
425	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.770	86.954	240.862.580	87008	Trung tâm Y tế huyện Tân Hồng	Đồng Tháp	Sở Y Tế Đồng Tháp	Nam
426	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	15.000	86.954	1.304.310.000	91001	Bệnh viện đa khoa Kiên Giang	Kiên Giang	Sở Y Tế Kiên Giang	Nam
427	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.100	86.954	269.557.400	91034	Bệnh viện đa khoa tư nhân Bình An	Kiên Giang	Sở Y Tế Kiên Giang	Nam
428	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.800	86.954	156.517.200	91006	Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng	Kiên Giang	Sở Y Tế Kiên Giang	Nam
429	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	800	86.954	69.563.200	91013	Trung tâm Y tế huyện Kiên Lương	Kiên Giang	Sở Y Tế Kiên Giang	Nam
430	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.520	86.954	132.170.080	91011	Trung tâm Y tế huyện Phú Quốc	Kiên Giang	Sở Y Tế Kiên Giang	Nam
431	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	6.000	86.954	521.724.000	91002	Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên	Kiên Giang	Sở Y Tế Kiên Giang	Nam
432	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	8.800	86.954	765.195.200	80001	Bệnh viện đa khoa Long An	Long An	Sở Y Tế Long An	Nam
433	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	800	86.954	69.563.200	80012	Trung tâm y tế huyện Tân Thạnh	Long An	Sở Y Tế Long An	Nam
434	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	144	86.954	12.521.376	94003	Trung tâm Y tế huyện Mỹ Tú	Sóc Trăng	Sở Y Tế Sóc Trăng	Nam
435	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	10.500	86.954	913.017.000	72010	Bệnh viện đa khoa Tây Ninh	Tây Ninh	Sở Y Tế Tây Ninh	Nam

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
436	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	4.400	86.954	382.597.600	72120	Bệnh viện Điều dưỡng và phục hồi chức năng - PHCN	Tây Ninh	Sở Y Tế Tây Ninh	Nam
437	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	800	86.954	69.563.200	72007	Trung tâm y tế Châu Thành	Tây Ninh	Sở Y Tế Tây Ninh	Nam
438	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	100	86.954	8.695.400	72003	Trung tâm y tế Gò Dầu	Tây Ninh	Sở Y Tế Tây Ninh	Nam
439	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.214	86.954	192.516.156	82001	Bệnh viện đa khoa trung tâm Tiền Giang	Tiền Giang	Sở Y Tế Tiền Giang	Nam
440	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	2.200	86.954	191.298.800	82020	Bệnh viện Quân y 120	Tiền Giang	Sở Y Tế Tiền Giang	Nam
441	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.424	86.954	123.822.496	79011	Bệnh viện 30/4	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
442	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	5.200	86.954	452.160.800	79016	Bệnh viện 7A	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
443	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	12.000	86.954	1.043.448.000	79012	Bệnh viện An Bình	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
444	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	13.367	86.954	1.162.314.118	79048	Bệnh viện Chợ Rẫy	TP. HCM	Bộ Y tế	Nam
445	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	5.000	86.954	434.770.000	79040	Bệnh viện đa khoa khu vực Củ Chi	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
446	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.500	86.954	130.431.000	79041	Bệnh viện đa khoa khu vực Hóc Môn	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
447	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	144	86.954	12.521.376	79001	Bệnh viện đa khoa Sài Gòn	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
448	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.900	86.954	165.212.600	79431	Bệnh viện đại học Y dược TP HCM	TP. HCM	Bộ Y tế	Nam
449	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	8.448	86.954	734.587.392	79020	Bệnh viện Điều dưỡng PHCN điều trị bệnh nghề nghiệp	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
450	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	800	86.954	69.563.200	79039	Bệnh viện huyện Củ Chi	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
451	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	116	86.954	10.086.664	79045	Bệnh viện huyện Nhà Bè	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
452	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	17.000	86.954	1.478.218.000	79036	Bệnh viện khu vực Thủ Đức	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
453	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	15.440	86.954	1.342.569.760	79014	Bệnh viện Nguyễn Trãi	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
454	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.500	86.954	304.339.000	79013	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam

phần

STT	Mã thuốc	Tên thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Số lượng phân bổ	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Mã CSYT	Tên đơn vị	Tỉnh/Thành phố	Đơn vị quản lý	Miền
455	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	13.000	86.954	1.130.402.000	79024	Bệnh viện Nhân Dân 115	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
456	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	20.000	86.954	1.739.080.000	79030	Bệnh viện Nhân Dân Gia Định	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
457	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.000	86.954	260.862.000	79057	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
458	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	400	86.954	34.781.600	79032	Bệnh viện Quận Phú Nhuận	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
459	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	8.000	86.954	695.632.000	79054	Bệnh viện Quận Tân Phú	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
460	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	15.312	86.954	1.331.439.648	79034	Bệnh viện quân y 175	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
461	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	33.500	86.954	2.912.959.000	79025	Bệnh viện Thống Nhất	TP. HCM	Bộ Y tế	Nam
462	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	8.000	86.954	695.632.000	79026	Bệnh viện Trung Vương	TP. HCM	Sở Y Tế TP. HCM	Nam
463	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	8.700	86.954	756.499.800	84007	Bệnh viện đa khoa khu vực Cầu Ngang	Trà Vinh	Sở Y Tế Trà Vinh	Nam
464	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	3.800	86.954	330.425.200	84005	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tiểu Cần	Trà Vinh	Sở Y Tế Trà Vinh	Nam
465	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.800	86.954	156.517.200	84141	Bệnh viện đa khoa Minh Tâm	Trà Vinh	Sở Y Tế Trà Vinh	Nam
466	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	14.000	86.954	1.217.356.000	84001	Bệnh viện đa khoa Trà Vinh	Trà Vinh	Sở Y Tế Trà Vinh	Nam
467	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	1.500	86.954	130.431.000	84008	Trung tâm Y tế Thị xã Duyên Hải	Trà Vinh	Sở Y Tế Trà Vinh	Nam
468	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	20.000	86.954	1.739.080.000	86001	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long	Sở Y Tế Vĩnh Long	Nam
469	B0103	Cerebrolysin	215,2mg/ml x 10ml	Tiêm/tiêm truyền	ống	400	86.954	34.781.600	86006	Trung tâm y tế huyện Long Hồ	Vĩnh Long	Sở Y Tế Vĩnh Long	Nam
Tổng cộng: 469 khoản						2.564.239	86.954	222.970.838.006					

ghe